



GENERAL LIGHTING PRODUCT CATALOGUE

2026-2027

Follow us on Social Media



TRAXON | ecue

Traxon Technologies Ltd

Room 113, 1/F, Wireless Centre, 3 Science Park East Avenue, Hong Kong Science Park, Shatin, Hong Kong
Phone: +852 2943 3488

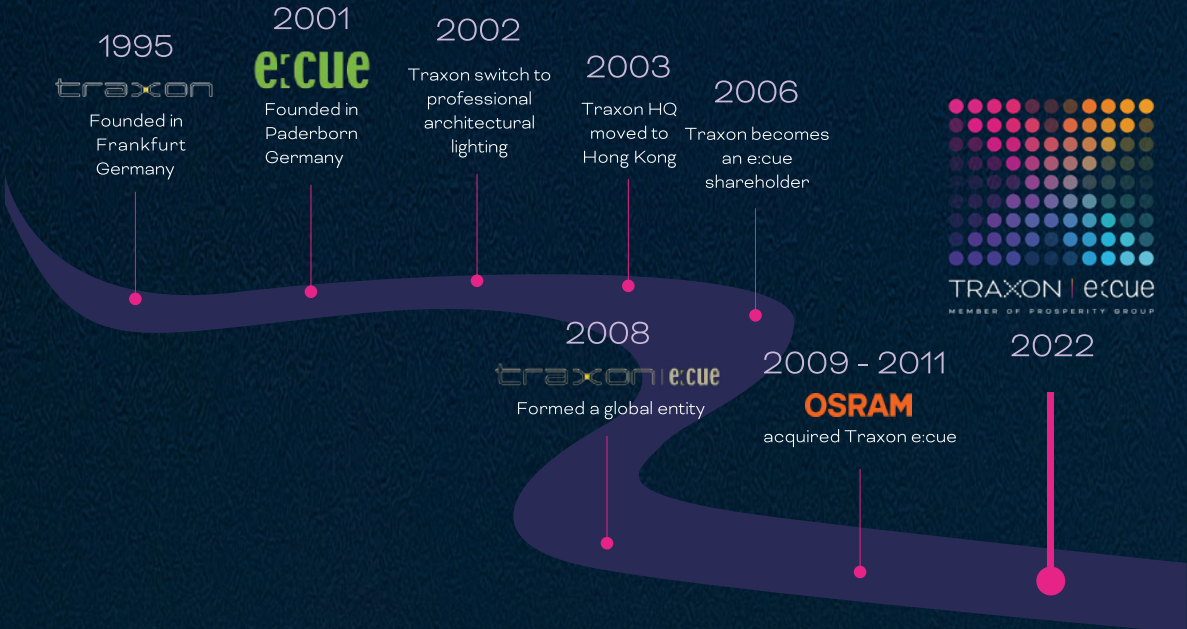
www.traxon-ecue.com

@2026 TRAXON TECHNOLOGIES. ALL RIGHTS RESERVED.

2026-2027



Lịch sử công ty



● Văn phòng khu vực Traxon e:cue ● Các địa điểm trong mạng lưới đối tác Traxon e:cue



Dự án đèn đường thông minh Macao
Ma Cao, Trung Quốc



TRAXON | eiscue

MEMBER OF PROSPERITY GROUP

Trụ sở McDonald's Trung Quốc

Thượng Hải, Trung Quốc

McDonald's

An toàn

Công nghệ chiếu sáng và cảm biến giúp tăng tầm nhìn, định hướng và độ chính xác.

Hiệu suất

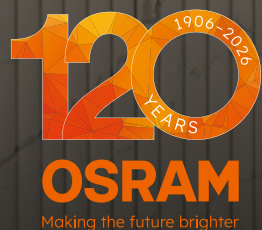
Giải pháp chiếu sáng hiện đại tiết kiệm năng lượng và cải thiện hiệu suất.

Thông minh

Công nghệ cảm biến giúp hệ thống trở nên thông minh và nhạy bén hơn.

Chính xác

Giải pháp chiếu sáng phục vụ các ứng dụng y tế và công nghiệp.



Dẫn lối ánh sáng suốt 120 năm - mang đổi mới, phát triển bền vững và ánh sáng đến cuộc sống trên toàn thế giới. Nhân dịp cột mốc này, chúng tôi trân trọng chặng đường đã qua và hướng tới một tương lai còn rực rỡ hơn.

OSRAM là thương hiệu của OSRAM GmbH. TRAXON được cấp phép độc quyền thương hiệu sản phẩm OSRAM cho đèn chiếu sáng chung tại Trung Quốc

MỤC LỤC

> 01

Đèn đường

SIMPLITZ® Streetlight V2 (2026)	12
LEDENVO® Streetlight Plus	14
LEDENVO® Streetlight V2	16
ECOFITZ® Streetlight	18
LEDENVO® LED Streetlight V1.5	20
SIMPLITZ® Tunnel Light V2	22
SIMPLITZ® Tunnel Light Connect	24
SIMPLITZ® Tunnel Light Mars	26

> 02

Đèn đường solar

SIMPLITZ® Solar Streetlight Integrated	30
SIMPLITZ® Solar Streetlight Remote	32
LEDCOMFO® Solar Streetlight Integrated	34

> 03

Đèn pha

SIMPLITZ® Floodlight V3 Premium	38
SIMPLITZ® Floodlight V3 General	40
LEDCOMFO® Floodlight V3.1	42
ECOFITZ® Floodlight	44
SIMPLITZ® Floodlight High Power	46

> 04

Sân vận động

PURSOS® SHP FINESSE	50
PURSOS® SHP V3.1 Floodlight-Premium	52
PURSOS® SHP V3.1 Floodlight-General	54
PURSOS® SHP Essence	56

> 05

Đèn ốp tường

LEDCOMFO® BULKHEAD	60
--------------------	----

> 06

Công nghiệp

LEDCOMFO® Highbay V4	64
LEDCOMFO® Highbay V4 Muti	66
ECOFITZ® Highbay	68

> 07

Đèn chống thấm

SIMPLITZ® Waterproof V2	72
LEDCOMFO® Waterproof	74
ECOFITZ® LED Waterproof	76

> 08

Phòng sạch

SIMPLITZ® Cleanroom Batten	80
----------------------------	----

> 09

Đèn tuýp & thanh

SIMPLITZ® Skyline	84
SIMPLITZ® Batten V4	86
SIMPLITZ® Batten V4 HE	88
LEDCOMFO® Batten	90
LEDCOMFO® Batten HE	92

> 10

Đèn downlight

LEDTOUCH™ Cylinder V2	96
SIMPLITZ® Downlight	98
LEDCOMFO® Downlight	100

> 11

Đèn rọi

SIMPLITZ® ESSENCE ADJ Downlight	104
SIMPLITZ® Spot Light	106
LEDCOMFO® Spot Light	108

> 12

Đèn panel

SIMPLITZ® Panel Optimum	112
SIMPLITZ® Panel Visio	114
LEDCOMFO® Panel Visio	116

> 13

Bộ nguồn

CC High Power Factor ON/OFF	120
CC 3-in-1 (0-10V/PWM/Rx) Dimmable	121
CC DALI-2 DT6 Dimmable	122
CC DALI-2 DT8 Tunable White Dimmable	123
CV 24V ON OFF	124
CV 24V ON OFF IP67	125
CV 24V 0-10V Dimmable	126
CV 24V DALI DT6 & DT8 Tunable White Dimmable	127
CV 24V DALI DT8 & DMX512 RGBW	128
CV 24V ON OFF Soft Start	129
CV 48V ON OFF	130

> 14

Module LED

Module LED	134-145
------------	---------

01

Đèn đường

STREET LIGHT



SIMPLITZ® Streetlight V2 (2026)



Ưu điểm

- Hiệu năng & hiệu suất vượt trội**
- Hiệu suất phát quang đến 185 lm/W, tiết kiệm điện tối đa
 - Không nhấp nháy, tăng độ êm dịu cho mắt
 - Dải công suất rộng: 60W đến 300W, phù hợp nhiều loại đường
 - Nhiều tùy chọn nhiệt độ màu: 2700K đến 6500K

- Bền bỉ, tin cậy**
- Tuổi thọ dài: L70 đến 100.000 giờ @ Ta 35°C
 - Chống sét lan truyền độc lập 20KV, tăng độ bền
 - Cấp bảo vệ cao: IP66 và IK10
 - Kết cấu nhôm chắc chắn, hiệu năng bền lâu
 - Dải nhiệt độ làm việc rộng: -40°C đến +55°C

- Sẵn sàng cho đô thị thông minh**
- Kết nối dễ dàng qua chân đế NEMA tiêu chuẩn cho hệ thống đô thị thông minh
 - Tùy chọn dimming linh hoạt: 1-10V, DALI 2 và D4i

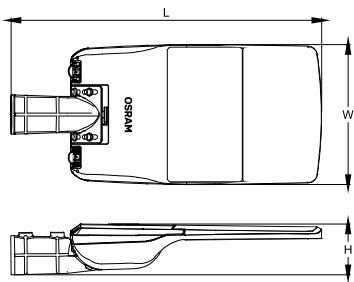
- Ứng dụng linh hoạt**
- Phù hợp mọi ứng dụng chiếu sáng đường: đô thị và nông thôn
 - Góc nghiêng điều chỉnh được, lắp đặt chính xác
 - Tương thích cần đèn đường kính 40~60mm

- Ứng dụng linh hoạt**
- Thiết kế không cần dụng cụ, bảo trì và thay thế nhanh

Ứng dụng

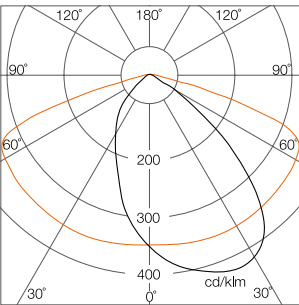
Chiếu sáng đường đô thị (đường cao tốc, đường trục chính, đường gom, đường nội bộ, đường khu dân cư), chiếu sáng đường nông thôn, chiếu sáng đường khu thương mại, chiếu sáng đường khu công nghiệp, chiếu sáng bãi đỗ xe

Kích thước (Đơn vị: mm)



	L	W	H
60W-90W	488mm	287mm	104mm
120W-150W	635mm	287mm	104mm
180W-210W	705mm	331mm	114mm
240W-300W	860mm	331mm	114mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM ST V2 60W	60W	SMB(150°x70°)	488mm (L) x287mm (W) x104mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
SIM ST V2 90W	90W	SMB(150°x70°)	488mm (L) x287mm (W) x104mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
SIM ST V2 120W	120W	SMB(150°x70°)	635mm (L) x287mm (W) x104mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
SIM ST V2 150W	150W	SMB(150°x70°)	635mm (L) x287mm (W) x104mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
SIM ST V2 180W	180W	SMB(150°x70°)	705mm (L) x331mm (W) x114mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
SIM ST V2 210W	210W	SMB(150°x70°)	705mm (L) x331mm (W) x114mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
SIM ST V2 240W	240W	SMB(150°x70°)	860mm (L) x331mm (W) x114mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
SIM ST V2 270W	270W	SMB(150°x70°)	860mm (L) x331mm (W) x114mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
SIM ST V2 300W	300W	SMB(150°x70°)	860mm (L) x331mm (W) x114mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10

LEDENVO® Streetlight Plus



Ưu điểm

- Hiệu quả chi phí vượt trội
- Hiệu suất phát quang đến 170lm/w
 - Quang học chính xác đảm bảo êm dịu và an toàn
 - Duy trì quang thông L70 -100.000 giờ
 - Bảo trì và thay thế không cần dụng cụ
 - Kết nối đô thị thông minh qua cổng NEMA và dimming 1-10V
 - Hoạt động không nhấp nháy

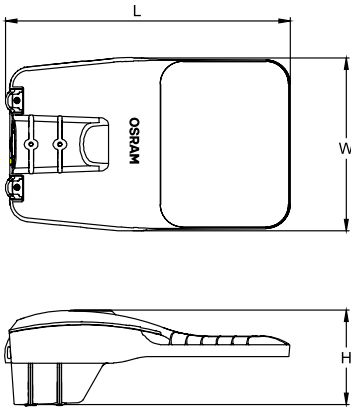
- Bền bỉ và tin cậy
- Vỏ nhôm đúc áp lực
 - Khả năng chống va đập cao
 - Cấp bảo vệ cao cho ngoài trời (IP66)
 - Chống sét lan truyền độc lập (10KV)
 - Dải nhiệt độ làm việc rộng: -40°C đến +50°C

- Thân thiện người dùng
- Kích thước nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ
 - Thiết kế mở nắp trên, dễ bảo trì
 - Phù hợp lắp trên cần đèn đường kính 40~60mm

Ứng dụng

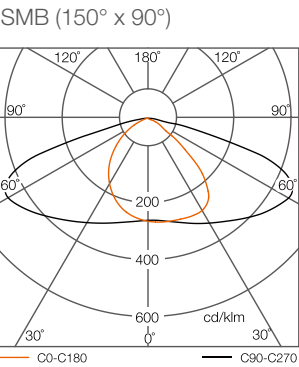
Chiếu sáng đường đô thị, đường nông thôn, đường khu thương mại, đường khu công nghiệp, bãi đỗ xe

Kích thước (Đơn vị: mm)



	20/30W	40/50/60W	75/90W	100/120W	150/180W
L	306mm	325mm	379mm	446mm	496mm
W	167mm	218mm	245mm	271mm	299mm
H	142mm	143mm	146mm	148mm	148mm
ĐK cần đèn	64mm	64mm	64mm	64mm	64mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
LEDENVO ST PLUS 20W	20W	SMB (150° x 90°)	306mm (L) x167mm (W) x142mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
LEDENVO ST PLUS 30W	30W	SMB (150° x 90°)	306mm (L) x167mm (W) x142mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
LEDENVO ST PLUS 40W	40W	SMB (150° x 90°)	325mm (L) x218mm (W) x143mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
LEDENVO ST PLUS 50W	50W	SMB (150° x 90°)	325mm (L) x218mm (W) x143mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
LEDENVO ST PLUS 60W	60W	SMB (150° x 90°)	325mm (L) x218mm (W) x143mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
LEDENVO ST PLUS 75W	75W	SMB (150° x 90°)	379mm (L) x245mm (W) x146mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
LEDENVO ST PLUS 90W	90W	SMB (150° x 90°)	379mm (L) x245mm (W) x146mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
LEDENVO ST PLUS 100W	100W	SMB (150° x 90°)	446mm (L) x271mm (W) x148mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
LEDENVO ST PLUS 120W	120W	SMB (150° x 90°)	446mm (L) x271mm (W) x148mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
LEDENVO ST PLUS 150W	150W	SMB (150° x 90°)	496mm (L) x299mm (W) x148mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
LEDENVO ST PLUS 180W	180W	SMB (150° x 90°)	496mm (L) x299mm (W) x148mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08

LEDENVO® Streetlight V2



CB

RoHS

AC

220-240V

3/5

YRS

WARRANTY

SNB(155° x55°)

SMB(150°x70°)

- Ưu điểm
- Hiệu năng cân đối

- Hiệu suất phát quang đến 150lm/W
 - Dải công suất từ 20W đến 150W
 - Nhiệt độ màu 3000K, 4000K và 5700K
 - Tùy chọn bảo hành 3 năm hoặc 5 năm

Chắc chắn và bền bỉ

- Thiết bị chống sét độc lập 10KV
 - Thân nhôm chắc chắn
 - Cấp bảo vệ cao IP66 & IK10

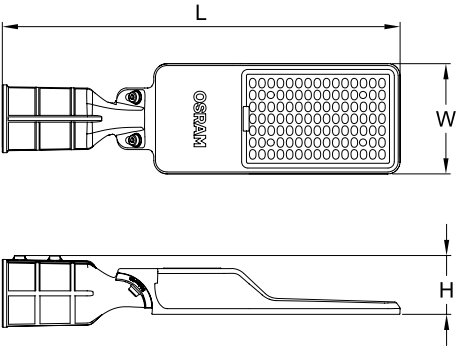
Lắp đặt linh hoạt

- Phù hợp lắp đỉnh cột hoặc lắp cần ngang
 - Góc nghiêng điều chỉnh được
 - Lắp trên cần đèn đường kính 40–60mm

Ứng dụng

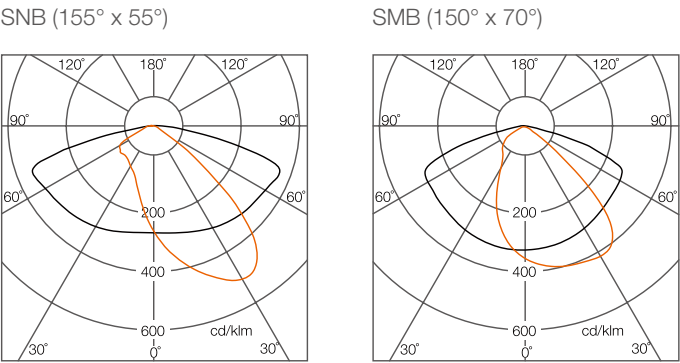
Đường trục chính, đường nội bộ & đường khu dân cư, chiếu sáng đường nông thôn, chiếu sáng đường khu thương mại, chiếu sáng đường khu công nghiệp, chiếu sáng bãi đỗ xe

Kích thước (Đơn vị: mm)



	L	W	H
20W-30W	383mm	114mm	82mm
50W-70W	453mm	125mm	82mm
90W-150W	586mm	200mm	82mm

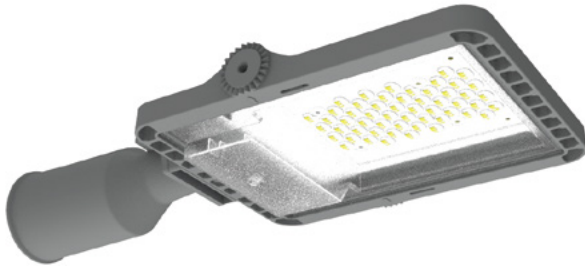
Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
LEDENVO ST V2/V2P 20W	20W	SNB(155° x55°)	383mm (L) x114mm (W) x82mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
LEDENVO ST V2/V2P 30W	30W	SNB(155° x55°)	383mm (L) x114mm (W) x82mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
LEDENVO ST V2/V2P 50W	50W	SNB(155° x55°)	453mm (L) x125mm (W) x82mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
LEDENVO ST V2/V2P 60W	60W	SNB(155° x55°)	453mm (L) x125mm (W) x82mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
LEDENVO ST V2/V2P 70W	70W	SNB(155° x55°)	453mm (L) x125mm (W) x82mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
LEDENVO ST V2/V2P 90W	90W	SMB (150° x 70°)	586mm (L) x200mm (W) x82mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
LEDENVO ST V2/V2P 120W	120W	SMB (150° x 70°)	586mm (L) x200mm (W) x82mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10
LEDENVO ST V2/V2P 150W	150W	SMB (150° x 70°)	586mm (L) x200mm (W) x82mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK10

ECOFITZ® Streetlight

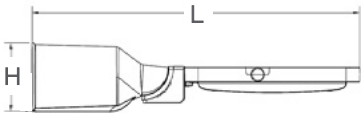


- Ưu điểm
- Kiểu dáng cổ điển, đơn giản
 - Giải pháp chiếu sáng đẹp, linh hoạt, tin cậy, tiết kiệm năng lượng
 - An toàn giao thông và thoải mái cho người đi bộ
 - Duy trì quang thông 30.000 giờ - L70B50@25°C

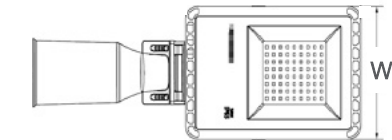
Ứng dụng

Đường trục chính, đường nội bộ, đường khu dân cư, chiếu sáng đường nông thôn, chiếu sáng đường khu thương mại, chiếu sáng đường khu công nghiệp, chiếu sáng bãi đỗ xe

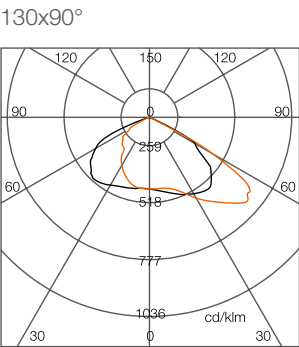
Kích thước (Đơn vị: mm)



	Micro @30W/50W	Mini @90W/120W
L	363mm	425mm
W	147mm	194mm
H	76mm	76mm



Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 4000K / 5700K / 6500K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
ECOFITZ Streetlight 30W	30W	130°x90°	363mm (L) x147mm (W) xφ76mm	80	Aluminum	IP65/IK08
ECOFITZ Streetlight 50W	50W	130°x90°	363mm (L) x147mm (W) xφ76mm	80	Aluminum	IP65/IK08
ECOFITZ Streetlight 90W	90W	130°x90°	425mm (L) x194mm (W) xφ76mm	80	Aluminum	IP65/IK08
ECOFITZ Streetlight 120W	120W	130°x90°	425mm (L) x194mm (W) xφ76mm	80	Aluminum	IP65/IK08

LEDENVO™ LED Streetlight V1.5



CB

RoHS

AC
100-277V

3/5
YRS
WARRANTY

SMB(150°x60°)
SMB(150°x85°)

- Ưu điểm
- Nguồn điện kép

- Phiên bản AC / DC mang lại sự linh hoạt tối đa khi ứng dụng
- Cấp bảo vệ IP66 và thiết kế chắc chắn

- Thiết kế cơ khí chắc chắn cho môi trường ngoài trời khắc nghiệt

- Dễ bảo trì
- Hiệu suất phát quang cao

- Hiệu suất phát quang cao đến 150 lm/W
- Thiết kế quang học chuyên nghiệp

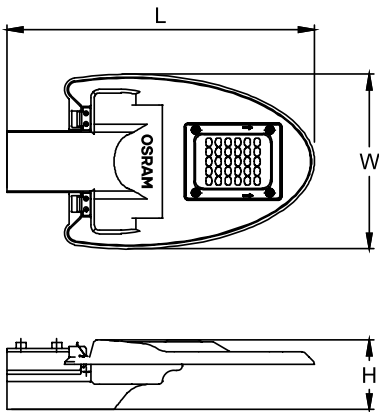
- Tập trung ánh sáng tối ưu cho khu vực mục tiêu mà không gây chói cho người lái và môi trường
- Tuổi thọ dài

- Tuổi thọ 50.000 giờ, tiết kiệm chi phí bảo trì
- Thân thiện môi trường

- Không chứa vật liệu độc hại

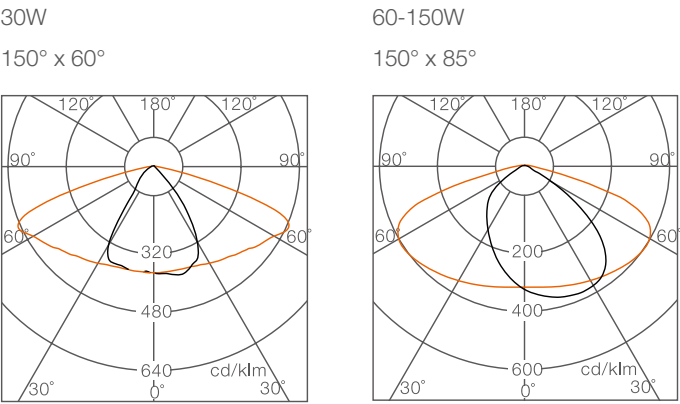
Ứng dụng Đường công nghiệp, bãi đỗ xe, đường khu dân cư, đường nông thôn

Kích thước (Đơn vị: mm)



	30W	60W	90W	120W	150W
L	345mm	534mm	534mm	690mm	690mm
W	196mm	257mm	257mm	342mm	342mm
H	78mm	92mm	92mm	98mm	98mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K

Bộ đèn

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
LEDENVO LED ST 30W	30W	150° x60°	345mm (L) x196mm (W) x78mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10
LEDENVO LED ST 60W	60W	150° x85°	534mm (L) x257mm (W) x92mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10
LEDENVO LED ST 90W	90W	150° x85°	534mm (L) x257mm (W) x92mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10
LEDENVO LED ST 120W	120W	150° x85°	690mm (L) x342mm (W) x98mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10
LEDENVO LED ST 150W	150W	150° x85°	690mm (L) x342mm (W) x98mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10

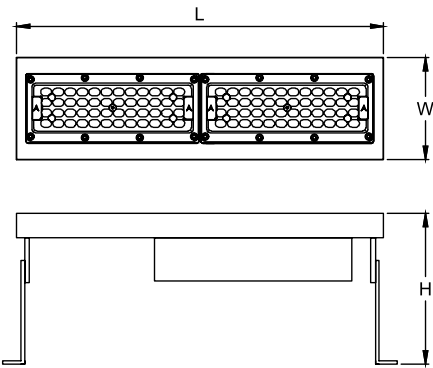
SIMPLITZ Tunnel Light V2



- Ưu điểm**
- Thiết kế quang học tiên tiến, cần ít bộ đèn hơn cho hiệu quả chiếu sáng vượt trội
 - Phân bố ánh sáng bất đối xứng cho mọi ứng dụng đường hầm
 - Hoạt động không nhấp nháy, tăng an toàn giao thông
 - Hiệu suất phát quang đến 140 lm/W, tiết kiệm năng lượng
- Dải sản phẩm rộng, đáp ứng nhiều ứng dụng khác nhau**
- Tùy chọn công suất từ 25W đến 350W
 - Tùy chọn nhiệt độ màu 3000K/4000K/5700K
 - Có phiên bản dimming 1-10V và DALI theo yêu cầu
- Độ tin cậy cao và lắp đặt dễ dàng**
- Duy trì quang thông L70 - 50.000 giờ @Ta35°C, L70
 - Vỏ nhôm đúc áp lực chắc chắn
 - Giá đỡ lắp đặt điều chỉnh ±60°

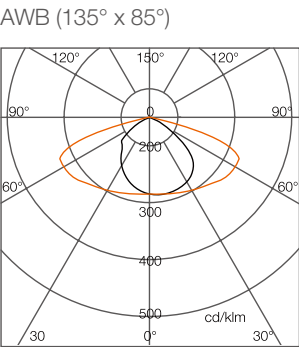
Ứng dụng Đèn hầm, đường chui

Kích thước (Đơn vị: mm)



	25/50W	90/120W	150W	200/240W	350W
L	258mm	355mm	492mm	686mm	686mm
W	137mm	137mm	137mm	137mm	275mm
H	202mm	202mm	202mm	202mm	271mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng

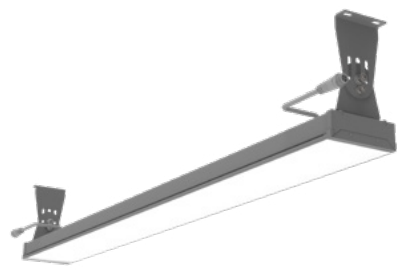


Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K

Bộ đèn - Dimming 1-10V

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM TL V2 25W 730	25W	135° x85°	258mm (L) x137mm (W) x202mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10
SIM TL V2 50W 730	50W	135° x85°	258mm (L) x137mm (W) x202mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10
SIM TL V2 90W 730	90W	135° x85°	355mm (L) x137mm (W) x202mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10
SIM TL V2 120W 730	120W	135° x85°	355mm (L) x137mm (W) x202mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10
SIM TL V2 150W 73	150W	135° x85°	492mm (L) x137mm (W) x202mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10
SIM TL V2 200W 730	200W	135° x85°	686mm (L) x137mm (W) x202mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10
SIM TL V2 240W 730	240W	135° x85°	686mm (L) x137mm (W) x202mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10
SIM TL V2 350W 730	350W	135° x85°	686mm (L) x275mm (W) x271mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK10

SIMPLITZ® Tunnel Light Connect



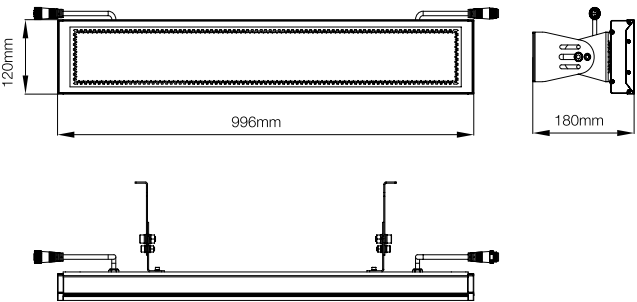
Ưu điểm

- Êm dịu và an toàn**
 - Hiệu ứng quang học mềm mại và đồng đều
 - Chiếu sáng liên tục theo hướng
 - Không nhấp nháy
- Bền bỉ và tin cậy**
 - Vỏ nhôm định hình
 - Chống va đập cao với kính cường lực, IK07
 - Cấp bảo vệ cao cho ngoài trời, IP66
 - Nhiệt độ làm việc: -30°C đến +50°C
 - Duy trì quang thông L70-80000 giờ @ta35°C
- Đầy đủ tùy chọn cho các ứng dụng khác nhau**
 - Có sẵn dimming 1-10V/DALI 2
 - Hiệu suất phát quang đến 125lm/w với CRI80

Ứng dụng

Đèn hầm, đường chui

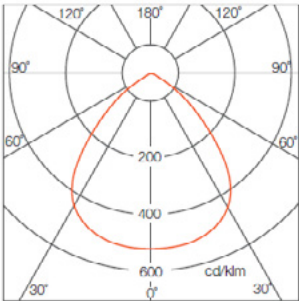
Kích thước (Đơn vị: mm)



	10/20/30/40/50/60/75/100/150/200W
L	996mm
W	120mm
H	180mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng

Dải sản phẩm đầy đủ
EWB (100°)



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM TL Connect 10W DC	10W	FWB(100°)	996mm (L) x120mm (W) x180mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
SIM TL Connect 20W DC	20W	FWB(100°)	996mm (L) x120mm (W) x180mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
SIM TL Connect 30W DC	30W	FWB(100°)	996mm (L) x120mm (W) x180mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
SIM TL Connect 40W DC	40W	FWB(100°)	996mm (L) x120mm (W) x180mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
SIM TL Connect 50W DC	50W	FWB(100°)	996mm (L) x120mm (W) x180mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
SIM TL Connect 60W DC	60W	FWB(100°)	996mm (L) x120mm (W) x180mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
SIM TL Connect 75W AC	75W	FWB(100°)	996mm (L) x120mm (W) x180mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
SIM TL Connect 100W AC	100W	FWB(100°)	996mm (L) x120mm (W) x180mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
SIM TL Connect 150W AC	150W	FWB(100°)	996mm (L) x120mm (W) x180mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
SIM TL Connect 200W AC	200W	FWB(100°)	996mm (L) x120mm (W) x180mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07

SIMPLITZ® Tunnel Light Mars



CB

RoHS

AC
100-277V

7
YRS
WARRANTY

SYB(145°x65°)
AMB(145°x65°)
AWB(145°x75°)

WMB(145°x50°)
CCB(100°x30°)

- Ưu điểm
- Giải pháp chiếu sáng đường hầm đa năng

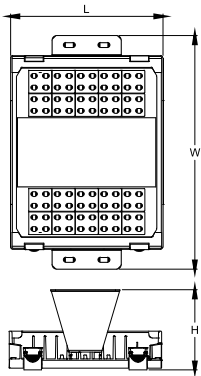
 - Dải công suất từ 60W đến 600W
 - Giao tiếp điều khiển thông minh 1-10V và DALI
- Hiệu năng quang học vượt trội

 - Phân bố ánh sáng đối xứng và bất đối xứng
 - Ánh sáng đồng đều, ít chói, hiệu suất đến 160 lm/W
 - Không nhấp nháy, ánh sáng ổn định
- Chắc chắn và bền bỉ

 - Vỏ nhôm bền bỉ với kính cường lực
 - Thiết bị chống sét độc lập 10KV
 - Cấp bảo vệ cao: IP66 & IK10
 - Chống ăn mòn cho môi trường cấp C4
 - Bảo hành 7 năm, tuổi thọ L70 ≥ 100.000 giờ
 - Bảo trì dễ dàng từ mặt trước
 - Nhiệt độ làm việc: -40°C đến + 55°C

Ứng dụng Đường hầm, đường chui

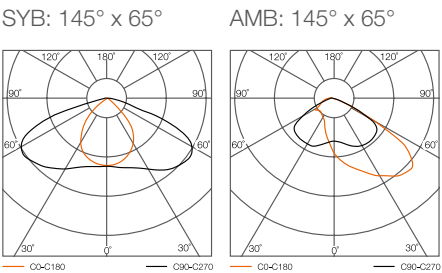
Kích thước (Đơn vị: mm)



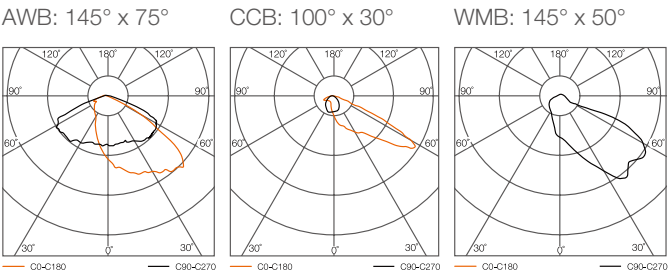
	60/80/100/120/150/200W	240/300/360/400W	450/600W
L	330mm	660mm	990mm
W	506mm	506mm	506mm
H	170mm	170mm	170mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng

Quang học tiêu chuẩn



Quang học theo yêu cầu



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ
SIM TL Mars 60W	60W	SYB(145° x 65°) / AMB(145° x 65°)	330mm (L) x506mm (W) x170mm (H)	70	Aluminum IP66/IK10
SIM TL Mars 80W	80W	SYB(145° x 65°) / AMB(145° x 65°)	330mm (L) x506mm (W) x170mm (H)	70	Aluminum IP66/IK10
SIM TL Mars 100W	100W	SYB(145° x 65°) / AMB(145° x 65°)	330mm (L) x506mm (W) x170mm (H)	70	Aluminum IP66/IK10
SIM TL Mars 120W	120W	SYB(145° x 65°) / AMB(145° x 65°)	330mm (L) x506mm (W) x170mm (H)	70	Aluminum IP66/IK10
SIM TL Mars 150W	150W	SYB(145° x 65°) / AMB(145° x 65°)	330mm (L) x506mm (W) x170mm (H)	70	Aluminum IP66/IK10
SIM TL Mars 200W	200W	SYB(145° x 65°) / AMB(145° x 65°)	330mm (L) x506mm (W) x170mm (H)	70	Aluminum IP66/IK10
SIM TL Mars 240W	240W	SYB(145° x 65°) / AMB(145° x 65°)	660mm (L) x506mm (W) x170mm (H)	70	Aluminum IP66/IK10
SIM TL Mars 300W	300W	SYB(145° x 65°) / AMB(145° x 65°)	660mm (L) x506mm (W) x170mm (H)	70	Aluminum IP66/IK10
SIM TL Mars 360W	360W	SYB(145° x 65°) / AMB(145° x 65°)	660mm (L) x506mm (W) x170mm (H)	70	Aluminum IP66/IK10
SIM TL Mars 400W	400W	SYB(145° x 65°) / AMB(145° x 65°)	660mm (L) x506mm (W) x170mm (H)	70	Aluminum IP66/IK10
SIM TL Mars 450W	450W	SYB(145° x 65°) / AMB(145° x 65°)	990mm (L) x506mm (W) x170mm (H)	70	Aluminum IP66/IK10
SIM TL Mars 600W	600W	SYB(145° x 65°) / AMB(145° x 65°)	990mm (L) x506mm (W) x170mm (H)	70	Aluminum IP66/IK10

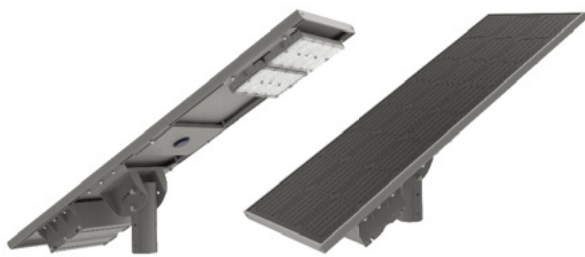
02

Đèn đường solar

Solar
Street



SIMPLITZ® Solar Streetlight Integrated



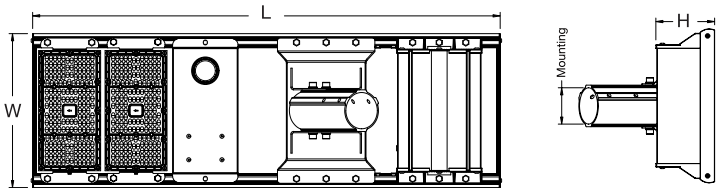
Ưu điểm

- Tiết kiệm chi phí
- Chi phí vận hành cực thấp
 - Tuổi thọ kéo dài
 - Hiệu suất phát quang đến 180lm/W
- Lắp đặt linh hoạt
- Góc nghiêng tấm pin điều chỉnh được
 - Góc nghiêng khối đèn điều chỉnh được
 - Lắp trên cột đường kính 80mm
- Chắc chắn và bền bỉ
- Thân nhôm chắc chắn
 - Cấp bảo vệ cao IP66 & IK07

Ứng dụng

Lối đi bộ, khu vực nông thôn, công viên, quảng trường, khuôn viên văn phòng, đường ngoại ô, đường nội đô

Kích thước (Đơn vị: mm)



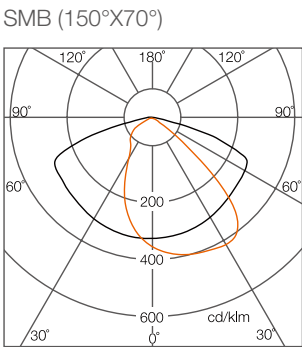
Kích thước bản General (Đơn vị: mm)

	30W	40W	50W	70W	85W	100W
L	500mm	680mm	800mm	1050mm	1300mm	1450mm
W	356mm	356mm	356mm	356mm	356mm	356mm
H	130mm	130mm	130mm	130mm	130mm	130mm

Kích thước bản Premium (Đơn vị: mm)

	30W	40W	50W	70W	85W	100W
L	800mm	1300mm	1450mm	1150mm	1300mm	1700mm
W	356mm	356mm	356mm	520mm	520mm	520mm
H	130mm	130mm	130mm	130mm	130mm	130mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM Solar ST INTEGRATED 30W 740	30W	SMB(155° x70°)	500mm(L) x 356mm(W) x 93mm(H)	70	Aluminum	IP66/IK07
SIM Solar ST INTEGRATED 40W 740	40W	SMB(155° x70°)	680mm(L) x 356mm(W) x 80mm(H)	70	Aluminum	IP66/IK07
SIM Solar ST INTEGRATED 50W 740	50W	SMB(155° x70°)	800mm(L) x 356mm(W) x 80mm(H)	70	Aluminum	IP66/IK07
SIM Solar ST INTEGRATED 70W 740	70W	SMB(155° x70°)	1050mm(L) x 356mm(W) x 80mm(H)	70	Aluminum	IP66/IK07
SIM Solar ST INTEGRATED 85W 740	85W	SMB(155° x70°)	1300mm(L) x 356mm(W) x 80mm(H)	70	Aluminum	IP66/IK07
SIM Solar ST INTEGRATED 100W 740	100W	SMB(155° x70°)	1450mm(L) x 356mm(W) x 80mm(H)	70	Aluminum	IP66/IK07
SIM Solar ST INTEGRATED 30W 740 PRO	30W	SMB(155° x70°)	800mm(L) x 356mm(W) x 80mm(H)	70	Aluminum	IP66/IK07
SIM Solar ST INTEGRATED 40W 740 PRO	40W	SMB(155° x70°)	1300mm(L) x 356mm(W) x 80mm(H)	70	Aluminum	IP66/IK07
SIM Solar ST INTEGRATED 50W 740 PRO	50W	SMB(155° x70°)	1450mm(L) x 356mm(W) x 80mm(H)	70	Aluminum	IP66/IK07
SIM Solar ST INTEGRATED 70W 740 PRO	70W	SMB(155° x70°)	1150mm(L) x 520mm(W) x 80mm(H)	70	Aluminum	IP66/IK07
SIM Solar ST INTEGRATED 85W 740 PRO	85W	SMB(155° x70°)	1300mm(L) x 520mm(W) x 80mm(H)	70	Aluminum	IP66/IK07
SIM Solar ST INTEGRATED 100W 740 PRO	100W	SMB(155° x70°)	1700mm(L) x 520mm(W) x 80mm(H)	70	Aluminum	IP66/IK07

SIMPLITZ® Solar Streetlight Remote



Ưu điểm

- Tiết kiệm chi phí**

 - Chi phí vận hành cực thấp
 - Tuổi thọ kéo dài
 - Hiệu suất phát quang đến 180 lm/W
- Độ bền và tin cậy**

 - Thân nhôm chắc chắn của khối đèn
 - Cấp bảo vệ cao IP66 & IK07
 - Duy trì quang thông L70-100.000 giờ
- Lắp đặt linh hoạt**

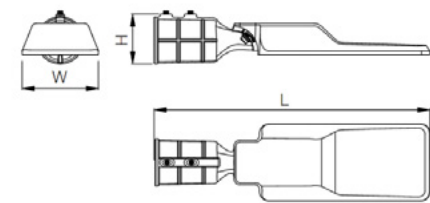
 - Góc nghiêng tấm pin điều chỉnh được
 - Góc nghiêng khối đèn điều chỉnh được
 - Thiết kế tách rời giúp lắp đặt và bảo trì dễ dàng.
 - Lắp trên cột đường kính 80mm

Ứng dụng

Lối đi bộ, khu vực nông thôn, công viên, văn phòng, khuôn viên, đường ngoại ô, đường nội đô

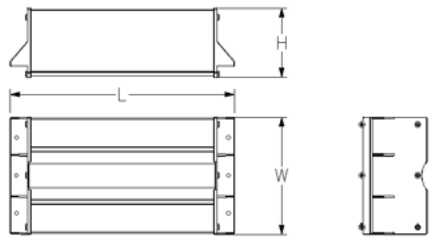
Kích thước (Đơn vị: mm)

Kích thước khối đèn



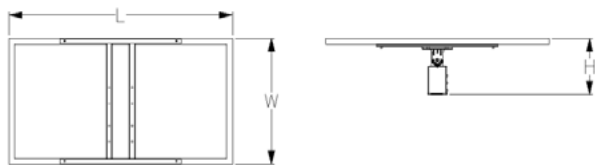
	30W	40W	50W	70W	85W	100W
L	383mm	383mm	453mm	453mm	586mm	586mm
W	114mm	114mm	125mm	125mm	200mm	200mm
H	82mm	82mm	82mm	82mm	82mm	82mm

Kích thước hộp pin



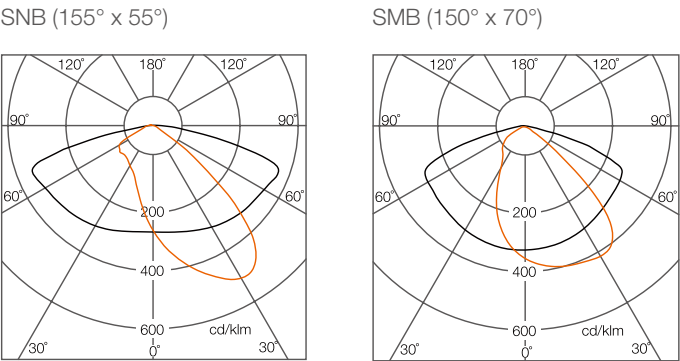
	384.0Wh	537.6Wh	614.4Wh	884.8Wh	998.4Wh	1228.8Wh
L	330mm	379mm	379mm	505mm	575mm	680mm
W	187mm	187mm	187mm	187mm	187mm	187mm
H	118mm	118mm	118mm	118mm	118mm	118mm

Kích thước tấm pin mặt trời



	52W	83W	94W	110W	124W	164W
L	530mm	670mm	670mm	760mm	850mm	1235mm
W	500mm	600mm	655mm	670mm	670mm	670mm
H	300mm	300mm	300mm	300mm	300mm	300mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ
SIMPLITZ SOLAR STREETLIGHT REMOTE 30W	30W	SNB(155° x 55°)	383mm (L) x 114mm (W) x 82mm (H)	70	Aluminum IP66/IK07
SIMPLITZ SOLAR STREETLIGHT REMOTE 40W	40W	SNB(155° x 55°)	383mm (L) x 114mm (W) x 82mm (H)	70	Aluminum IP66/IK07
SIMPLITZ SOLAR STREETLIGHT REMOTE 50W	50W	SNB(155° x 55°)	453mm (L) x 125mm (W) x 82mm (H)	70	Aluminum IP66/IK07
SIMPLITZ SOLAR STREETLIGHT REMOTE 70W	70W	SNB(155° x 55°)	453mm (L) x 125mm (W) x 82mm (H)	70	Aluminum IP66/IK07
SIMPLITZ SOLAR STREETLIGHT REMOTE 85W	85W	SMB(155° x 70°)	586mm (L) x 200mm (W) x 82mm (H)	70	Aluminum IP66/IK07
SIMPLITZ SOLAR STREETLIGHT REMOTE 100W	100W	SMB(155° x 70°)	586mm (L) x 200mm (W) x 82mm (H)	70	Aluminum IP66/IK07

LED COMFO[®] Solar Streetlight Integrated



- Ưu điểm
- Tiết kiệm chi phí

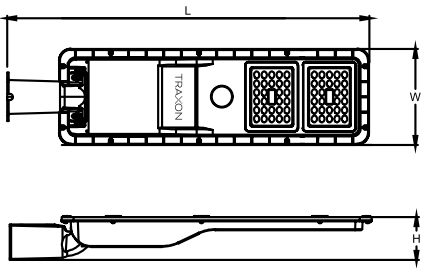
 - Hiệu suất phát quang cao, đến 175 lm/W
 - Không tốn chi phí vận hành
 - Duy trì quang thông L80-100.000 giờ

Ứng dụng linh hoạt

 - Ngàm lắp xoay được
 - Góc nghiêng điều chỉnh từ ±15°
 - CCT 4000K, 5000K
 - Cầm biến vi sóng
 - Kết cấu tất cả trong một

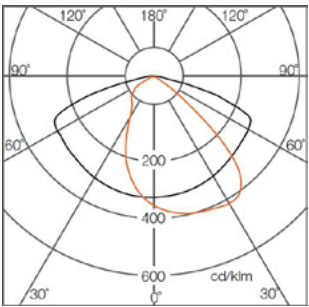
Ứng dụng Sân vườn, lối đi bộ, công viên

Kích thước (Đơn vị: mm)



	5.7W/8.6W/11.5W	17W/25.7W	34.3W
L	464mm	753mm	1055mm
W	200mm	200mm	200mm
H	90mm	90mm	90mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 4000K / 5000K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
LCM Solar ST Integrated 1000lm	5.7W	SMB(150°x70°)	464mm (L) x200mm (W) x90mm (H)	70	Aluminum	IP65/IK07
LCM Solar ST Integrated 1500lm	8.6W	SMB(150°x70°)	464mm (L) x200mm (W) x90mm (H)	70	Aluminum	IP65/IK07
LCM Solar ST Integrated 2000lm	11.5W	SMB(150°x70°)	464mm (L) x200mm (W) x90mm (H)	70	Aluminum	IP65/IK07
LCM Solar ST Integrated 3000lm	17.0W	SMB(150°x70°)	753mm (L) x200mm (W) x90mm (H)	70	Aluminum	IP65/IK07
LCM Solar ST Integrated 4500lm	25.7W	SMB(150°x70°)	753mm (L) x200mm (W) x90mm (H)	70	Aluminum	IP65/IK07
LCM Solar ST Integrated 6000lm	34.3W	SMB(150°x70°)	1055mm (L) x200mm (W) x90mm (H)	70	Aluminum	IP65/IK07

03

Đèn pha

Floodlight

You Light. Our Passion.



SIMPLITZ® Floodlight V3-Premium



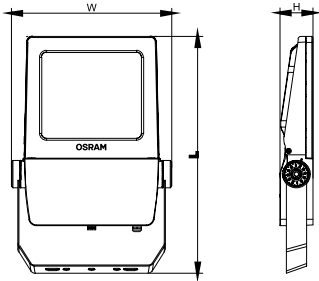
Ưu điểm

- Đáp ứng nhiều ứng dụng chiếu sáng
- Dải công suất đầy đủ từ 50W đến 350W, đáp ứng nhu cầu cụ thể
 - Giao tiếp điều khiển thông minh, hỗ trợ dimming 1-10V và DALI 2
 - Quang học đối xứng / bất đối xứng đa dạng, dễ lựa chọn
 - Hiệu suất phát quang đến 155 lm/W, tiết kiệm năng lượng
 - Thiết kế nắp sau giúp bảo trì điện dễ dàng
 - Gần như không nhấp nháy, mang lại trải nghiệm ánh sáng dễ chịu
 - Vạch chỉ góc giúp lắp đặt chính xác
 - Có tùy chọn tấm chắn để kiểm soát chói
- Chắc chắn, tin cậy và bền bỉ
- Vỏ nhôm đúc áp lực bền chắc với nắp kính cường lực
 - Cấp bảo vệ cao IP66 và IK08, vận hành tin cậy trong điều kiện khắc nghiệt
 - Chống sét lan truyền độc lập 10KV, tăng độ ổn định
 - Dải nhiệt độ làm việc rộng từ -30°C đến +50°C, phù hợp nhiều điều kiện khí hậu
 - Duy trì quang thông vượt trội L70 - 80000 giờ, đảm bảo tuổi thọ và quang thông ổn định

Ứng dụng

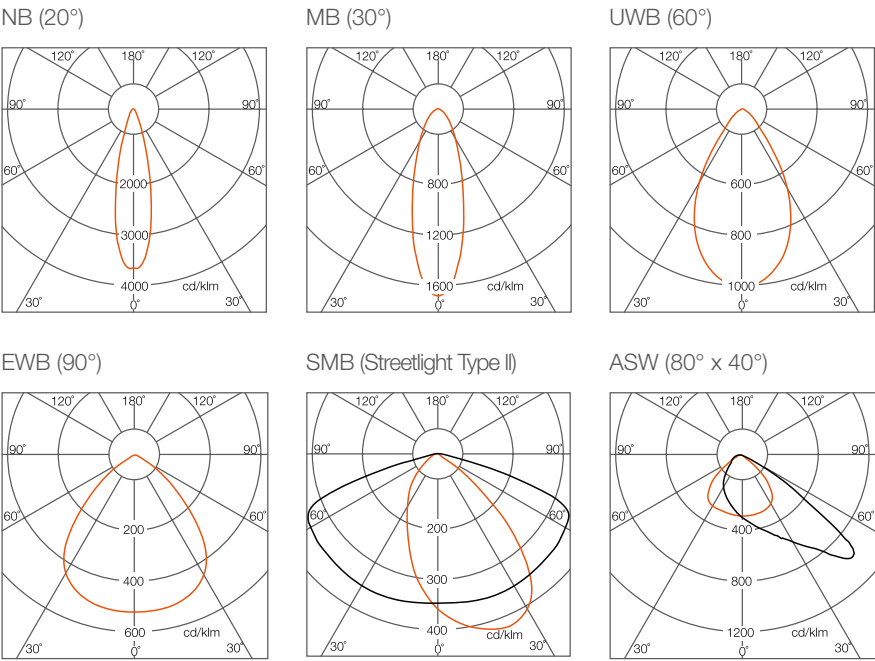
Chiếu sáng mặt tiền và công trình, chiếu sáng khu vực, chiếu sáng nút giao, chiếu sáng biển quảng cáo, chiếu sáng logo, các khu vực công cộng hoặc công nghiệp khác

Kích thước (Đơn vị: mm)



	L	W	H
50W/70W/100W/150W	469mm	317mm	65mm
200W/240W	529mm	369mm	65mm
300W/350W	611mm	399mm	79mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5000K / 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM FL V3P 50W	50W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	469mm (L) x317mm (W) x65mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 70W	70W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	469mm (L) x317mm (W) x65mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 100W	100W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	469mm (L) x317mm (W) x65mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 150W	150W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	469mm (L) x317mm (W) x65mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 200W	200W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	529mm (L) x369mm (W) x65mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 240W	240W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	529mm (L) x369mm (W) x65mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 300W	300W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	611mm (L) x399mm (W) x79mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 350W	350W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	611mm (L) x399mm (W) x79mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08

SIMPLITZ® Floodlight V3-General



Ưu điểm

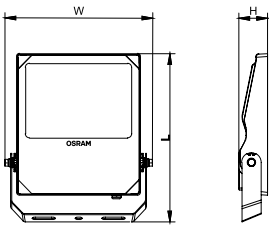
- Cân đối giữa hiệu năng và chi phí**
- Công suất từ 50W đến 300W
 - Quang học đối xứng / bất đối xứng đa dạng, dễ lựa chọn
 - Hiệu suất phát quang đến 145 lm/W, tiết kiệm năng lượng
 - Gần như không nhấp nháy, mang lại trải nghiệm ánh sáng dễ chịu

- Độ tin cậy cao**
- Vỏ nhôm đúc áp lực chắc chắn với nắp kính cường lực
 - Cấp bảo vệ cao IP66 và IK08
 - Chống sét lan truyền độc lập 10KV
 - Dải nhiệt độ làm việc rộng từ -30°C đến +50°C
 - Duy trì quang thông vượt trội L70 – 50000 giờ

Ứng dụng

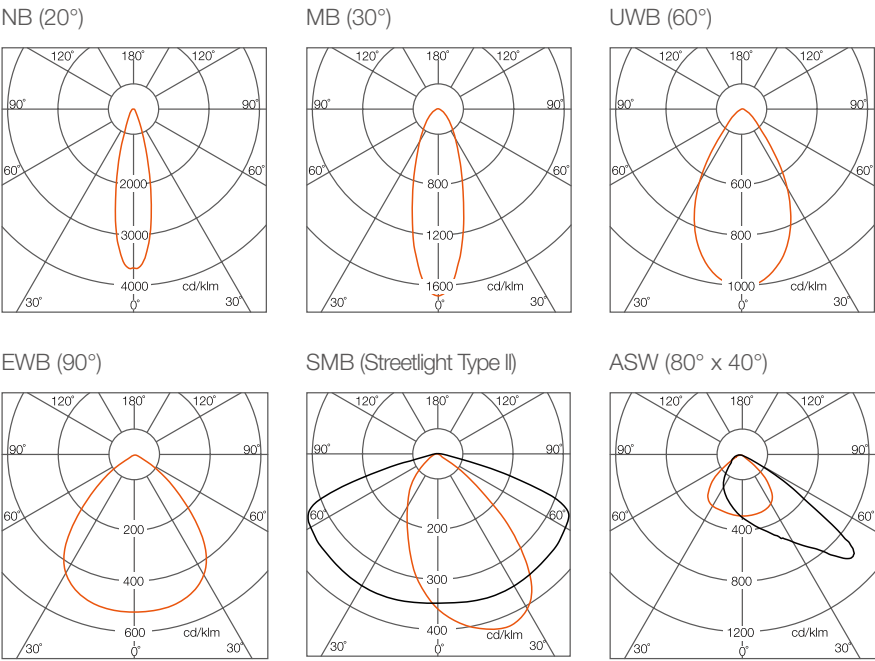
Chiếu sáng mặt tiền và công trình, chiếu sáng khu vực, chiếu sáng nút giao, chiếu sáng biển quảng cáo, chiếu sáng logo, các khu vực công cộng hoặc công nghiệp khác

Kích thước (Đơn vị: mm)



	L	W	H
50W	266mm	198mm	46mm
70W/100W	313mm	275mm	53mm
150W	375mm	285mm	57mm
200W/240W	446mm	345mm	62mm
300W	487mm	393mm	74.4mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5000K / 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM FL V3G 50W	50W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	266mm (L) x198mm (W) x46mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 70W	70W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	313mm (L) x275mm (W) x53mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 100W	100W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	313mm (L) x275mm (W) x53mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 150W	150W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	375mm (L) x285mm (W) x57mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 200W	200W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	446mm (L) x345mm (W) x62mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 240W	240W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	446mm (L) x345mm (W) x62mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08
SIM FL V3P 300W	300W	NB (20°)/MB(30°)/UWB (60°)/EWB (90°)/SMB (Type II 150°x70°)/ASW (80°x40°)	487mm (L) x393mm (W) x74.4mm (H)	>70	Aluminum	IP66/IK08

LED COMFO® Floodlight V3.1



CB

RoHS

AC

220-240V

3

YRS

WARRANTY

Ưu điểm

- Bền bỉ và tin cậy**
 - Vỏ nhôm đúc áp lực
 - Chống va đập cao với kính cường lực, IK07
 - Cấp bảo vệ cao cho ngoài trời, IP66
 - Thiết kế chống thấm cơ chế chống hút ngược được cấp bằng sáng chế, đảm bảo cấp bảo vệ IP
 - Bảo hành 3 năm và tuổi thọ 50000 giờ

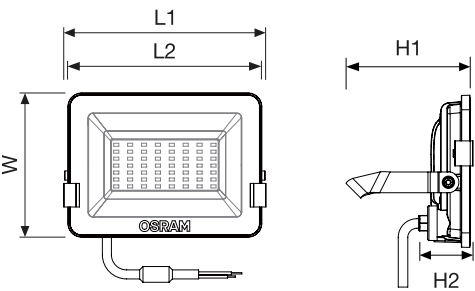
- Chính xác và hiệu quả**
 - Thấu kính thiết kế tối ưu với phân bố ánh sáng đối xứng và bất đối xứng cho nhiều ứng dụng
 - Giá đỡ điều chỉnh có vạch chỉ góc để chỉnh hướng chiếu chính xác
 - LED thương hiệu hàng đầu đảm bảo nhiệt độ màu đồng nhất
 - Hiệu suất hệ thống đến 120 lm/W và CRI>80

- Đầy đủ tùy chọn cho các ứng dụng khác nhau**
 - Dải công suất: 10W / 20W / 30W / 45W / 70W / 95W / 120W / 160W / 190W
 - 3 tùy chọn nhiệt độ màu: 3000K, 4000K và 5700K
 - Quang học đối xứng và bất đối xứng

Ứng dụng

Chiếu sáng khu vực ngoài trời, chiếu sáng biển quảng cáo ngoài trời, chiếu sáng logo, các khu vực công cộng hoặc công nghiệp khác

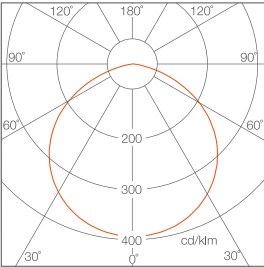
Kích thước (Đơn vị: mm)



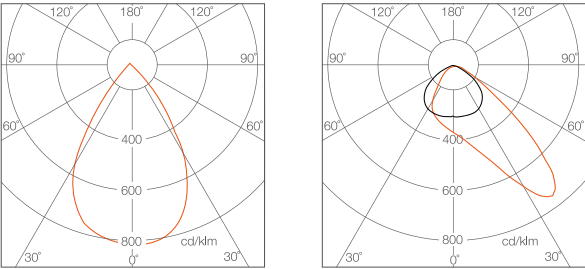
	L1	L2	W	H1	H2
10W-30W	154.5mm	148mm	110mm	89.5mm	38.5mm
45W	192mm	185.5mm	138.5mm	97.5mm	40.5mm
70W-90W	284mm	270mm	207mm	142mm	43mm
120W-190W	394mm	375mm	280mm	189mm	46.5mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng

Dải sản phẩm đầy đủ



70W/95W/120W/160W/190W



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
LED COMFO FL V3 10W	10W	SY100(100°)	155mm (L) x 110mm (W) x 39mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
LED COMFO FL V3 20W	20W	SY100(100°)	155mm (L) x 110mm (W) x 39mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
LED COMFO FL V3 30W	30W	SY100(100°)	155mm (L) x 110mm (W) x 39mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
LED COMFO FL V3 45W	45W	SY100(100°)	192mm (L) x 139mm (W) x 41mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
LED COMFO FL V3 70W	70W	SY100(100°)/SYB60(60°)/AS110(110° x 40°)	284mm (L) x 207mm (W) x 43mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
LED COMFO FL V3 95W	95W	SY100(100°)/SYB60(60°)/AS110(110° x 40°)	284mm (L) x 207mm (W) x 43mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
LED COMFO FL V3 120W	120W	SY100(100°)/SYB60(60°)/AS110(110° x 40°)	394mm (L) x 280mm (W) x 47mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
LED COMFO FL V3 160W	160W	SY100(100°)/SYB60(60°)/AS110(110° x 40°)	394mm (L) x 280mm (W) x 47mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07
LED COMFO FL V3 190W	190W	SY100(100°)/SYB60(60°)/AS110(110° x 40°)	394mm (L) x 280mm (W) x 47mm (H)	80	Aluminum	IP66/IK07

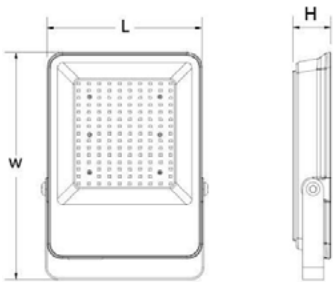
ECOFITZ® Floodlight



- Ưu điểm**
- Vỏ nhôm đúc áp lực
 - Chống va đập cao với nắp kính cường lực
 - Cấp bảo vệ cao cho ngoài trời, IP65
 - Thiết kế chống thấm cơ chế chống hút ngược được cấp bằng sáng chế

Ứng dụng Chiếu sáng khu vực ngoài trời, chiếu sáng biển quảng cáo ngoài trời, chiếu sáng logo, các khu vực công cộng hoặc công nghiệp khác

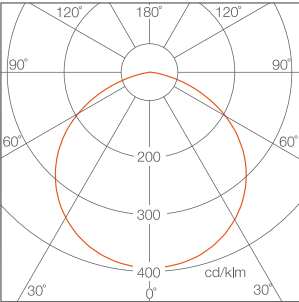
Kích thước (Đơn vị: mm)



	Nano			Micro	Mini	Midi	Maxi
	10W	20W	30W	50W	100W	150W	200W
L	120mm	120mm	120mm	142mm	185mm	238mm	285mm
W	180mm	180mm	180mm	215mm	271mm	344mm	420mm
H	42mm	42mm	42mm	42mm	45mm	48mm	48mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng

Dải sản phẩm đầy đủ



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
ECOFITZ Floodlight 10W	10W	110°	120mm (L) ×180mm (W) ×42mm (H)	80	Aluminum	IP65/IK08
ECOFITZ Floodlight 20W	20W	110°	120mm (L) ×180mm (W) ×42mm (H)	80	Aluminum	IP65/IK08
ECOFITZ Floodlight 30W	30W	110°	120mm (L) ×180mm (W) ×42mm (H)	80	Aluminum	IP65/IK08
ECOFITZ Floodlight 50W	50W	110°	142mm (L) ×215mm (W) ×42mm (H)	80	Aluminum	IP65/IK08
ECOFITZ Floodlight 100W	100W	110°	185mm (L) ×271mm (W) ×45mm (H)	80	Aluminum	IP65/IK08
ECOFITZ Floodlight 150W	150W	110°	238mm (L) ×344mm (W) ×48mm (H)	80	Aluminum	IP65/IK08
ECOFITZ Floodlight 200W	200W	110°	285mm (L) ×420mm (W) ×48mm (H)	80	Aluminum	IP65/IK08

SIMPLITZ® Floodlight High Power



Ưu điểm

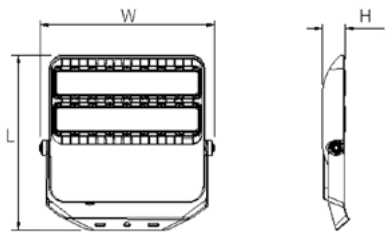
- Đáp ứng nhiều ứng dụng chiếu sáng
- Vỏ nhôm đúc áp lực
 - Hỗ trợ dimming 1-10V và DALI 2
 - Quang học đối xứng / bất đối xứng đa dạng
 - Hiệu suất phát quang đến 155 lm/W
 - Vạch chỉ góc giúp lắp đặt chính xác

- Bền bỉ và tin cậy
- Vỏ nhôm đúc áp lực
 - Chống va đập cao, IK09
 - Cấp bảo vệ cao cho ngoài trời, IP66
 - Xích chống rơi bằng thép không gỉ
 - Chống sét lan truyền độc lập 10KV

Ứng dụng

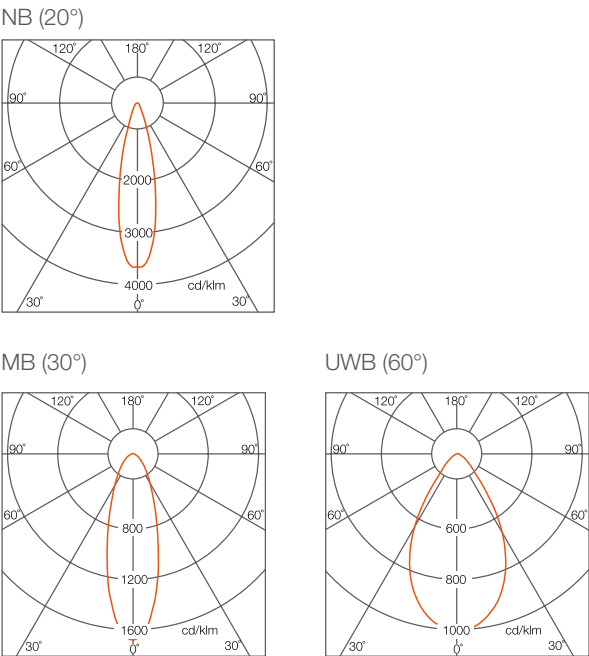
Chiếu sáng mặt tiền và công trình, chiếu sáng khu vực, chiếu sáng nút giao, chiếu sáng sân vận động, chiếu sáng sân đỗ máy bay

Kích thước (Đơn vị: mm)



	350/350/400W	450/500W	550/600W
L	446mm	600mm	709mm
W	443mm	443mm	443mm
H	58mm	62mm	62mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 2700K / 3000K / 4000K / 5000K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM FL HP 300W	300W	NB(20°)/MB(30°)/WB(40°)/UWB(60°)/ EWWB(36° x 80°)/ASN(A60°)	446mm (L) x443mm (W) x58mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK09
SIM FL HP 350W	350W	NB(20°)/MB(30°)/WB(40°)/UWB(60°)/ EWWB(36° x 80°)/ASN(A60°)	446mm (L) x443mm (W) x58mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK09
SIM FL HP 400W	400W	NB(20°)/MB(30°)/WB(40°)/UWB(60°)/ EWWB(36° x 80°)/ASN(A60°)	446mm (L) x443mm (W) x58mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK09
SIM FL HP 450W	450W	NB(20°)/MB(30°)/WB(40°)/UWB(60°)/ EWWB(36° x 80°)/ASN(A60°)	600mm (L) x443mm (W) x62mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK09
SIM FL HP 500W	500W	NB(20°)/MB(30°)/WB(40°)/UWB(60°)/ EWWB(36° x 80°)/ASN(A60°)	600mm (L) x443mm (W) x62mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK09
SIM FL HP 550W	550W	NB(20°)/MB(30°)/WB(40°)/UWB(60°)/ EWWB(36° x 80°)/ASN(A60°)	709mm (L) x443mm (W) x62mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK09
SIM FL HP 600W	600W	NB(20°)/MB(30°)/WB(40°)/UWB(60°)/ EWWB(36° x 80°)/ASN(A60°)	709mm (L) x443mm (W) x62mm (H)	70	Aluminum	IP66/IK09

04

Sân vận động / Đèn pha công suất lớn

Stadium /
High power floodlight

You Light. Our Passion.



PURSOS® SHP FINESSE



Ưu điểm

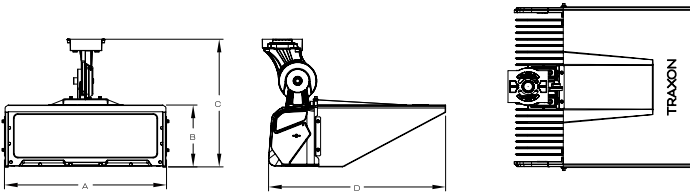
- Hiệu năng quang học xuất sắc**
- Hệ quang học chính xác với thấu kính truyền sáng cao và công nghệ phản xạ tiên tiến
 - Lưới chắn chói và tấm che chế tác tinh xảo, kiểm soát chói vượt trội
 - Nâng cao trải nghiệm khán giả và đảm bảo môi trường thi đấu thoải mái cho vận động viên
 - Mang lại ánh sáng đồng đều, hiệu quả, hạn chế tối đa điểm mù
- Điều khiển thông minh với nhiều chế độ theo kịch bản**
- Hỗ trợ giao tiếp điều khiển 1-10V, DMX/RDM để điều chỉnh ánh sáng động theo thời gian thực
 - Chế độ ánh sáng trắng thể thao: Độ sáng cao, không nhấp nháy, lý tưởng cho truyền hình và sự kiện trực tiếp
 - Chế độ RGB giải trí: Màn trình diễn ánh sáng sống động trước trận hoặc giữa hiệp, tăng tương tác khán giả
- Hiệu ứng đặc biệt: Nhấp nháy, chuyển màu và đồng bộ động theo âm thanh hoặc hoạt động sân vận động, mang lại trải nghiệm liền mạch
- Độ bền và tin cậy**
- Kết cấu chắc chắn với tản nhiệt nhôm rèn, chống va đập, chống ăn mòn và tản nhiệt hiệu quả
 - Cấp bảo vệ cao IP66 & IK08
 - Duy trì quang thông L80-100.000 giờ
 - Bảo hành 7 năm

Ứng dụng

Nhà thi đấu trong nhà: Sân bóng rổ, nhà thi đấu cầu lông, nhà thi đấu bóng bàn, nhà thi đấu thể dục dụng cụ, bể bơi, sân đua xe đạp lòng chảo
Sân ngoài trời: Sân bóng đá, sân golf, sân khúc côn cầu, sân bóng chày, sân tennis, sân điền kinh, khu thể thao mùa đông

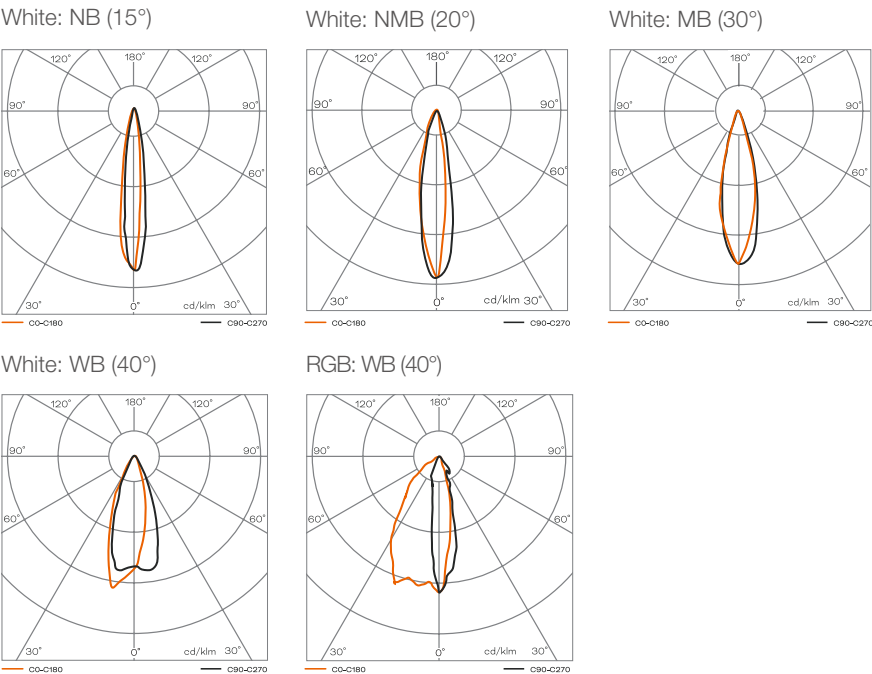
Kích thước (Đơn vị: mm)

Khối đèn



	A	B	C	D
White 800W	616mm	235mm	485mm	673mm
White 1200W	616mm	235mm	485mm	673mm
White 800W + RGB 200W	616mm	235mm	485mm	673mm
White 1200W + RGB 300W	616mm	235mm	485mm	673mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ
PURSOS SHP FINESSE 800W White	800W	NB (15°)/NMB (20°)/MB (30°)/WB (40°)	616mm (L) x 485mm (H) x 673mm (D)	70/80/90	Aluminum IP66/IK08
PURSOS SHP FINESSE 1200W White	1200W	NB (15°)/NMB (20°)/MB (30°)/WB (40°)	616mm (L) x 485mm (H) x 673mm (D)	70/80/90	Aluminum IP66/IK08
PURSOS SHP FINESSE 800W White 200W RGB	800W+200W	NB (15°)/NMB (20°)/MB (30°)/WB (40°)	616mm (L) x 485mm (H) x 673mm (D)	70/80/90	Aluminum IP66/IK08
PURSOS SHP FINESSE 1200W White 300W RGB	1200W+300W	NB (15°)/NMB (20°)/MB (30°)/WB (40°)	616mm (L) x 485mm (H) x 673mm (D)	70/80/90	Aluminum IP66/IK08

PURSOS® SHP V3.1 Floodlight-Premium



Ưu điểm

Đáp ứng chuẩn truyền hình HDTV

- Không nhấp nháy
- Có sẵn CRI 70, CRI 80, CRI 90
- Năm tùy chọn góc chiếu tiêu chuẩn
- Có tùy chọn tấm chắn để kiểm soát chói
- Kích thước nhỏ, trọng lượng nhẹ
- Hiệu ứng đặc biệt và trình diễn ánh sáng

Độ tin cậy cao

- Duy trì quang thông L80-50000 giờ @Ta30°C
- Thân nhôm chắc chắn với giá đỡ thép carbon cao
- Cấp bảo vệ cao IP66 & IK10
- Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +50°C

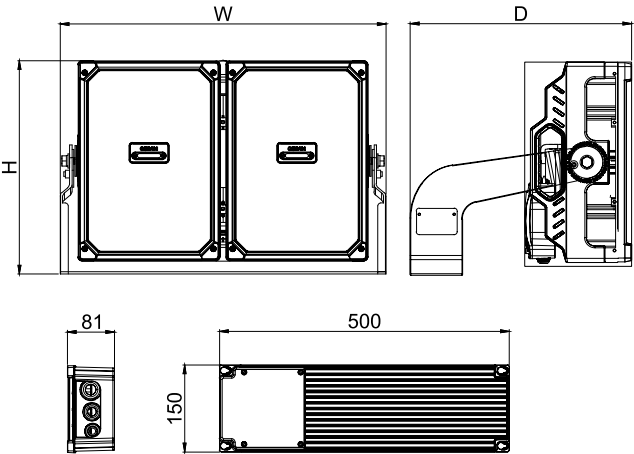
Điều khiển thông minh

- Giao tiếp dimming DMX-RDM, DALI 2
- Kết hợp với e:cue để điều khiển ánh sáng động theo thời gian thực

Ứng dụng

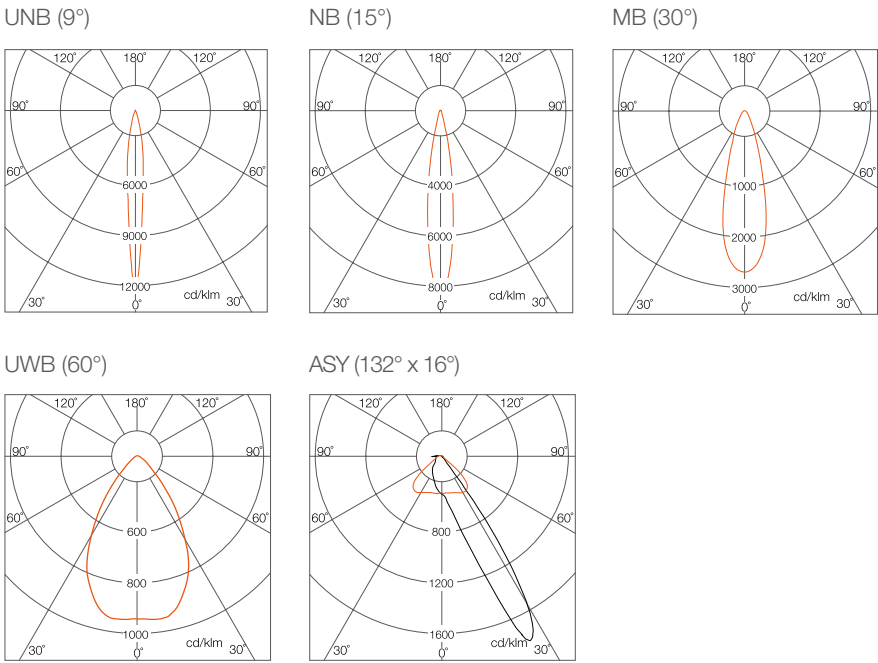
Nhà thi đấu trong nhà (sân bóng rổ, khúc côn cầu trên băng), sân ngoài trời (sân vận động, sân bóng đá, tennis, sân golf, sân khúc côn cầu), khu thể thao đa năng (MUGA)

Kích thước (Đơn vị: mm)



	W	H	D
800W	562mm	368mm	382mm
1000W	562mm	368mm	382mm
1200W	562mm	368mm	382mm
1500W	799mm	368mm	382mm
1600W	799mm	368mm	382mm
1800W	799mm	368mm	382mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
PURSOS SHP V3 P 800W	800W	UNB (9°)/NB (15°)/MB (30°)/UWB (60°)/ASY(132°x16°)	562mm (W) x368mm (H) x382mm (D)	70/80/90	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP V3 P 1000W	1000W	UNB (9°)/NB (15°)/MB (30°)/UWB (60°)/ASY(132°x16°)	562mm (W) x368mm (H) x382mm (D)	70/80/90	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP V3 P 1200W	1200W	UNB (9°)/NB (15°)/MB (30°)/UWB (60°)/ASY(132°x16°)	562mm (W) x368mm (H) x382mm (D)	70/80/90	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP V3 P 1500W	1500W	UNB (9°)/NB (15°)/MB (30°)/UWB (60°)/ASY(132°x16°)	799mm (W) x368mm (H) x382mm (D)	70/80/90	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP V3 P 1600W	1600W	UNB (9°)/NB (15°)/MB (30°)/UWB (60°)/ASY(132°x16°)	799mm (W) x368mm (H) x382mm (D)	70/80/90	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP V3 P 1800W	1800W	UNB (9°)/NB (15°)/MB (30°)/UWB (60°)/ASY(132°x16°)	799mm (W) x368mm (H) x382mm (D)	70/80/90	Aluminum	IP66/IK10

PURSOS® SHP V3.1 Floodlight-General



Ưu điểm

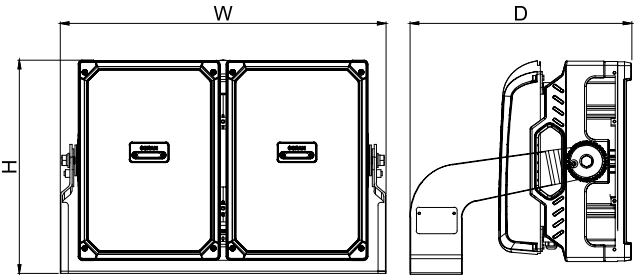
- Kích thước nhỏ gọn, hiệu quả chi phí cao**
- Kích thước nhỏ, trọng lượng nhẹ
 - Có sẵn CRI 70, CRI 80
 - Gần như không nhấp nháy
 - Có tùy chọn tấm chắn để kiểm soát chói
 - Năm tùy chọn phân bố ánh sáng và thiết kế quang học chính xác

- Độ tin cậy cao**
- Duy trì quang thông L70-80000 giờ @Ta30°C
 - Thân nhôm chắc chắn với giá đỡ thép carbon cao
 - Cấp bảo vệ cao IP66 & IK10
 - Bộ chống sét lan truyền độc lập
 - Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +50°C

Ứng dụng

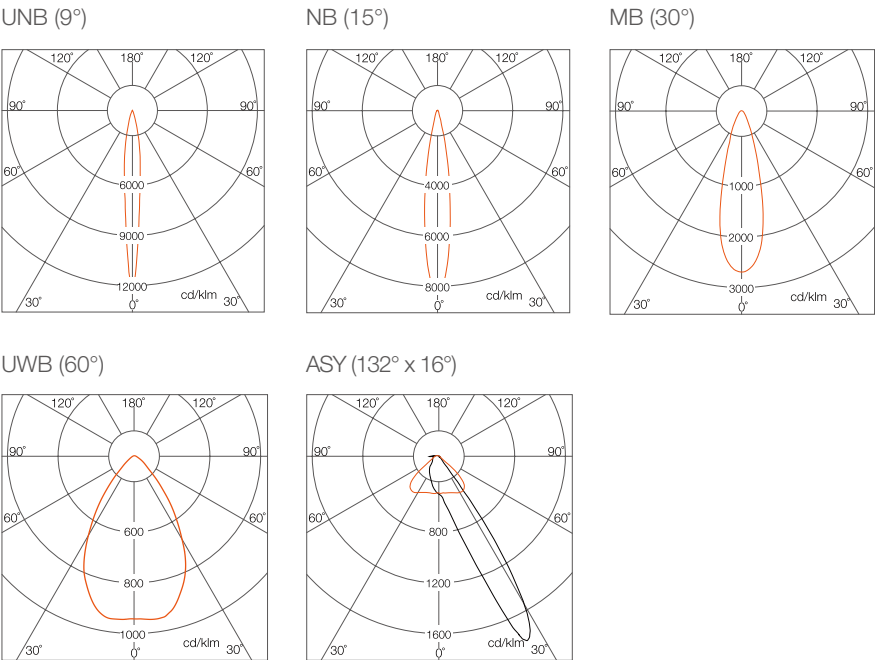
Khu thể thao giải trí (công viên thể thao, sân vận động trường học), sân tập luyện (bóng rổ, bóng đá, khúc côn cầu, tennis), chiếu sáng đường (cột đèn cao, chiếu sáng nút giao), chiếu sáng sân đỗ máy bay, chiếu sáng cảng biển, khu đa năng (MUGA)

Kích thước (Đơn vị: mm)



	W	H	D
400W/500W/600W	301mm	345mm	377mm
800W/1000W/1200W	562mm	368mm	382mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
PURSOS SHP V3 P 400W	400W	UNB (9°)/NB (15°)/MB (30°)/UWB (60°)/ASY(132°x16°)	301mm (W) x345mm (H) x377mm (D)	70/80	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP V3 P 500W	500W	UNB (9°)/NB (15°)/MB (30°)/UWB (60°)/ASY(132°x16°)	301mm (W) x345mm (H) x377mm (D)	70/80	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP V3 P 600W	600W	UNB (9°)/NB (15°)/MB (30°)/UWB (60°)/ASY(132°x16°)	301mm (W) x345mm (H) x377mm (D)	70/80	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP V3 P 800W	800W	UNB (9°)/NB (15°)/MB (30°)/UWB (60°)/ASY(132°x16°)	562mm (W) x368mm (H) x382mm (D)	70/80	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP V3 P 1000W	1000W	UNB (9°)/NB (15°)/MB (30°)/UWB (60°)/ASY(132°x16°)	562mm (W) x368mm (H) x382mm (D)	70/80	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP V3 P 1200W	1200W	UNB (9°)/NB (15°)/MB (30°)/UWB (60°)/ASY(132°x16°)	562mm (W) x368mm (H) x382mm (D)	70/80	Aluminum	IP66/IK10

PURSOS® SHP Essence



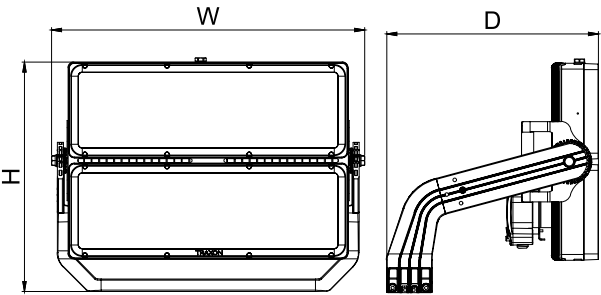
Ưu điểm

- Độ bền và tin cậy
- Vỏ/giá đỡ nhôm chống ăn mòn
 - Cấp bảo vệ cao cho ngoài trời, IP66/IK10
 - Kết cấu tích hợp và đi dây kín hoàn toàn
 - Thiết kế thuận tiện bảo trì cho mọi bộ phận
 - Duy trì quang thông L70-100.000 giờ
- Đáp ứng nhiều ứng dụng chiếu sáng
- Quang học đối xứng / bất đối xứng chính xác
 - Hỗ trợ chức năng Multi-Dim (0-10V/DALI/DMX)
 - Tùy chọn hộp nguồn rời hoặc tích hợp
 - Hỗ trợ môi trường ven biển
 - Nắp thấu kính chịu thời tiết
- Hiệu quả chi phí cao
- Hiệu suất hệ thống đến 160 lm/W
 - Kích thước nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ
 - Không nhấp nháy

Ứng dụng

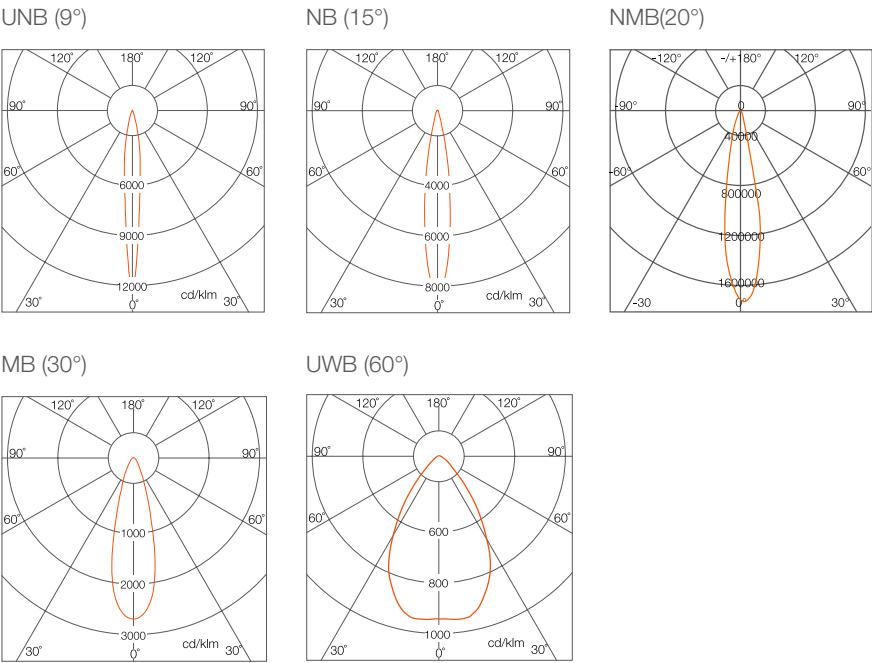
Nhà thi đấu trong nhà (sân bóng rổ, khúc côn cầu trên băng), khu thể thao và sân tập luyện, chiếu sáng khu vực, chiếu sáng sân đỗ máy bay, chiếu sáng cảng biển

Kích thước (Đơn vị: mm)



	W	H	D
800W/1000W/1200W	625mm	394mm	423mm
1500W/1600W/1800W	625mm	595mm	423mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 5700K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
PURSOS SHP ESSENCE 800W	800W	UNB(10°) / NB(15°) / NMB(20°) / MB(30°) / UWB(60°) / ASN(A65°)	625mm (W) x 394mm (H) x 423mm (D)	70/80	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP ESSENCE 1000W	1000W	UNB(10°) / NB(15°) / NMB(20°) / MB(30°) / UWB(60°) / ASN(A65°)	625mm (W) x 394mm (H) x 423mm (D)	70/80	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP ESSENCE 1200W	1200W	UNB(10°) / NB(15°) / NMB(20°) / MB(30°) / UWB(60°) / ASN(A65°)	625mm (W) x 394mm (H) x 423mm (D)	70/80	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP ESSENCE 1500W	1500W	UNB(10°) / NB(15°) / NMB(20°) / MB(30°) / UWB(60°) / ASN(A65°)	625mm (W) x 595mm (H) x 423mm (D)	70/80	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP ESSENCE 1600W	1600W	UNB(10°) / NB(15°) / NMB(20°) / MB(30°) / UWB(60°) / ASN(A65°)	625mm (W) x 595mm (H) x 423mm (D)	70/80	Aluminum	IP66/IK10
PURSOS SHP ESSENCE 1800W	1800W	UNB(10°) / NB(15°) / NMB(20°) / MB(30°) / UWB(60°) / ASN(A65°)	625mm (W) x 595mm (H) x 423mm (D)	70/80	Aluminum	IP66/IK10

05

Đèn ốp tường

Bulkhead

You Light. Our Passion.

LED COMFO® BULKHEAD



- Ưu điểm
- Hiệu năng ổn định, an toàn và tin cậy

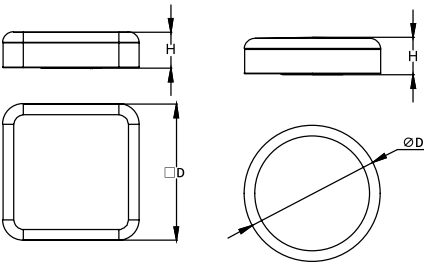
 - Đến 120lm/W
 - Duy trì quang thông 50.000 giờ - L70
 - Cấp bảo vệ IP 65 và IK10

Dải sản phẩm toàn diện, đáp ứng mọi ứng dụng

 - Dạng tròn và vuông với ba kích cỡ
 - Công suất 10W, 19W, 26W, 35W
 - CCT 3000K, 4000K, 6500K
 - ON/OFF và cảm biến
 - Lắp tường và trần

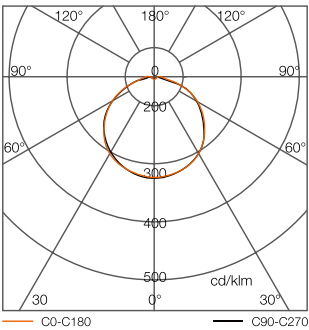
Ứng dụng Nhà vệ sinh, tầng hầm, gara, hành lang, ban công, hộp kỹ thuật

Kích thước (Đơn vị: mm)



	10W	19W	26W	35W
D	Ø200	Ø200	Ø260	Ø350
H	55mm	55mm	55mm	55mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 6500K

LCM Bulkhead 10W 830 RD

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
LCM Bulkhead 10W Round	10W	120°	Ø200 x 55mm (H)	80	Polycarbonate	IP65/IK10
LCM Bulkhead 19W Round	19W	120°	Ø200 x 55mm (H)	80	Polycarbonate	IP65/IK10
LCM Bulkhead 26W Round	26W	120°	Ø260 x 55mm (H)	80	Polycarbonate	IP65/IK10
LCM Bulkhead 35W Round	35W	120°	Ø350 x 55mm (H)	80	Polycarbonate	IP65/IK10
LCM Bulkhead 10W Square	10W	120°	□200 x 55mm (H)	80	Polycarbonate	IP65/IK10
LCM Bulkhead 19W Square	19W	120°	□200 x 55mm (H)	80	Polycarbonate	IP65/IK10
LCM Bulkhead 26W Square	26W	120°	□260 x 55mm (H)	80	Polycarbonate	IP65/IK10
LCM Bulkhead 35W Square	35W	120°	□350 x 55mm (H)	80	Polycarbonate	IP65/IK10

06

Công nghiệp

Industry



LED COMFO® Highbay V4



Ưu điểm

- Tùy chọn linh hoạt
- 9 dải công suất
 - Quang thông từ 8.000lm đến 38.400lm
 - Nhiệt độ màu 3000K/4000K/5700K/6500K
 - Phiên bản ON/OFF, DIM 0-10V và DALI

- Bền bỉ và tin cậy
- Tuổi thọ 50.000 giờ
 - Đạt chuẩn IP65, IK08

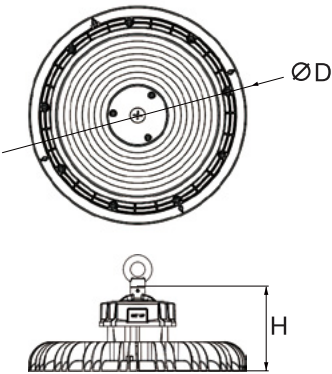
- An toàn và hiệu quả
- Hiệu suất hệ thống đến 160lm/W
 - An toàn thị giác theo tiêu chuẩn IEC
 - CRI80 cho khả năng thể hiện màu tốt hơn
 - Móc dự phòng cho xích/cáp an toàn

- Ứng dụng đa năng
- Nhiều phương án lắp đặt
 - Nhỏ gọn, lắp đặt dễ dàng

Ứng dụng

Xưởng sản xuất, dây chuyền lắp ráp, kho hàng, logistics, nhà xưởng công nghiệp, thương mại và khu vực công cộng (sân bay, nhà ga, sân vận động)

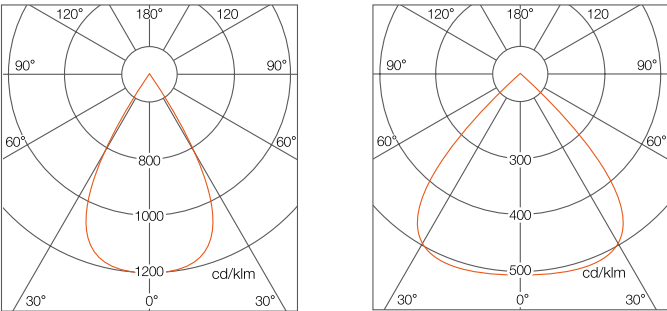
Kích thước (Đơn vị: mm)



	50W	75W	100W	125W	150W
ØD	280mm	280mm	280mm	280mm	280mm
H	125mm	125mm	125mm	125mm	125mm

	175W	200W	225W	240W
ØD	280mm	280mm	320mm	320mm
H	125mm	125mm	125mm	125mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K / 6500K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu Góc	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
LCM HB V4 50W 840 60D GY VS1 OSRAM	50W	60°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 50W 840 90D GY VS1 OSRAM	50W	90°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 75W 840 60D GY VS1 OSRAM	75W	60°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 75W 840 90D GY VS1 OSRAM	75W	90°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 100W 840 60D GY VS1 OSRAM	100W	60°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 100W 840 90D GY VS1 OSRAM	100W	90°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 125W 840 60D GY VS1 OSRAM	125W	60°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 125W 840 90D GY VS1 OSRAM	125W	90°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 150W 840 60D GY VS1 OSRAM	150W	60°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 150W 840 90D GY VS1 OSRAM	150W	90°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 175W 840 60D GY VS1 OSRAM	175W	60°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 175W 840 90D GY VS1 OSRAM	175W	90°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 200W 840 60D GY VS1 OSRAM	200W	60°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 200W 840 90D GY VS1 OSRAM	200W	90°	Ø280mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 225W 840 60D GY VS1 OSRAM	225W	60°	Ø320mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 225W 840 90D GY VS1 OSRAM	225W	90°	Ø320mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 240W 840 60D GY VS1 OSRAM	240W	60°	Ø320mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 240W 840 90D GY VS1 OSRAM	240W	90°	Ø320mm x 125mm (H)	>80	Aluminum	IP65/IK08

LED COMFO® Highbay V4 Multi



Ưu điểm

- Tùy chọn linh hoạt
- 5 mức công suất cơ bản với 3 cấp điều chỉnh
 - Nhiệt độ màu cơ bản 6500K, điều chỉnh 4000K/5000K
 - Tùy chọn ON/OFF và DIM 0-10V
 - Quang thông từ 8.000 lm đến 38.400 lm
 - Tùy chọn cảm biến và bộ pin sự cố
 - Hiệu suất hệ thống đến 160 lm/W @ CRI 80

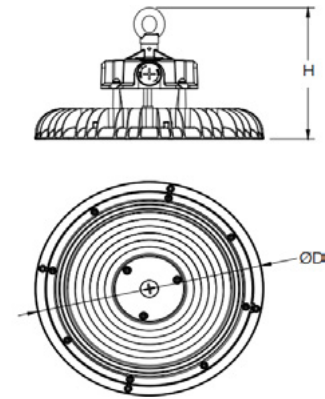
- Độ bền và tin cậy
- Vỏ nhôm đúc áp lực
 - Cấp bảo vệ cao IP65, IK08
 - Tuổi thọ 50.000 giờ

- Ứng dụng đa năng
- Nhiều phương án lắp đặt
 - Nhỏ gọn, lắp đặt dễ dàng
 - Thấu kính thay thế được
 - Móc dự phòng cho xích/cáp an toàn

Ứng dụng

Xưởng sản xuất, dây chuyền lắp ráp, kho hàng, logistics, nhà xưởng công nghiệp và thương mại, khu vực công cộng (sân bay, nhà ga, sân vận động)

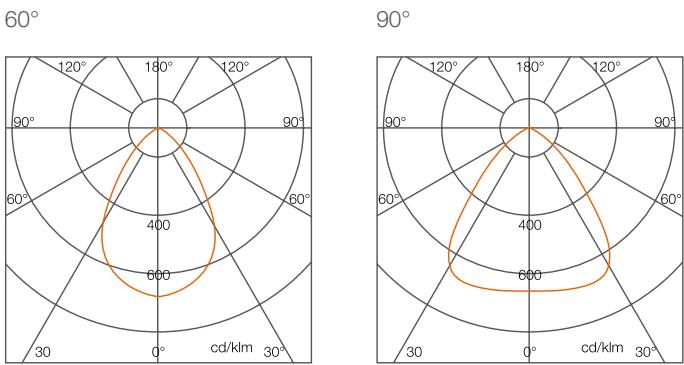
Kích thước (Đơn vị: mm)



	M			
Điện năng tiêu thụ	80-60-50W	100-80-60W	150-120W-80W	200-150-120W
Ø D	280	280	280	280
H	170	170	170	170

	L
Điện năng tiêu thụ	240-200-150W
Ø D	320
H	170

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 4000K / 5000K / 6500K

Bộ đèn (ON/OFF)

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
LCM HB V4 80W 84065 90D MU GY	80-60-50W	90°	Ø280mm x 170mm (H)	≥80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 80W 84065 60D MU GY	80-60-50W	60°	Ø280mm x 170mm (H)	≥80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 100W 84065 90D MU GY	100-80-60W	90°	Ø280mm x 170mm (H)	≥80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 100W 84065 60D MU GY	100-80-60W	60°	Ø280mm x 170mm (H)	≥80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 150W 84065 90D MU GY	150-120-80W	90°	Ø280mm x 170mm (H)	≥80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 150W 84065 60D MU GY	150-120-80W	60°	Ø280mm x 170mm (H)	≥80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 200W 84065 90D MU GY	200-150-120W	90°	Ø280mm x 170mm (H)	≥80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 200W 84065 60D MU GY	200-150-120W	60°	Ø280mm x 170mm (H)	≥80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 240W 84065 90D MU GY	240-200-150W	90°	Ø320mm x 170mm (H)	≥80	Aluminum	IP65/IK08
LCM HB V4 240W 84065 60D MU GY	240-200-150W	60°	Ø320mm x 170mm (H)	≥80	Aluminum	IP65/IK08

ECOFITZ® Highbay

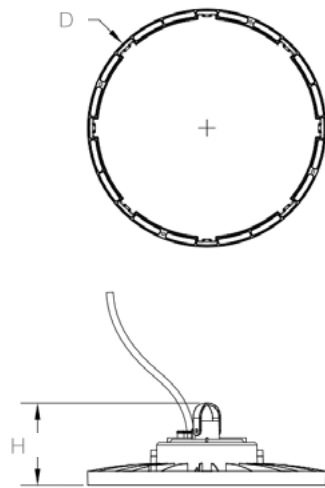


- Ưu điểm
- Kiểu dáng đơn giản, chất lượng ổn định
 - Phù hợp nhiều phương án lắp đặt
 - Hiệu năng ổn định, an toàn và tin cậy
 - Duy trì quang thông 50.000 giờ - L70@25°C

Ứng dụng

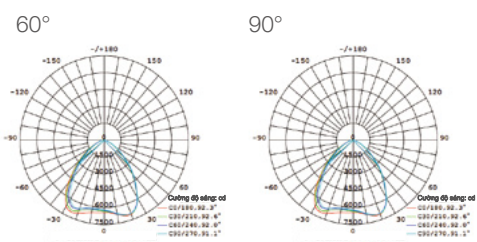
Xưởng sản xuất, dây chuyền lắp ráp, kho hàng, logistics, nhà xưởng công nghiệp và thương mại, khu vực công cộng (sân bay, nhà ga, sân vận động)

Kích thước (Đơn vị: mm)



	S @100W	M @150W	L @200W/250W
D	Ø257	Ø308	Ø381
H	89mm	93mm	93mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K / 6500K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	IP
ECOFITZ HighBay 100W 830 60D	100W	60°	φ257mm (W) x89mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 100W 840 60D	100W	60°	φ257mm (W) x89mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 100W 857 60D	100W	60°	φ257mm (W) x89mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 100W 830 90D	100W	90°	φ257mm (W) x89mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 100W 840 90D	100W	90°	φ257mm (W) x89mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 100W 857 90D	100W	90°	φ257mm (W) x89mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 150W 830 60D	150W	60°	φ308mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 150W 840 60D	150W	60°	φ308mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 150W 857 60D	150W	60°	φ308mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 150W 830 90D	150W	90°	φ308mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 150W 840 90D	150W	90°	φ308mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 150W 857 90D	150W	90°	φ308mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 200W 830 60D	200W	60°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 200W 840 60D	200W	60°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 200W 857 60D	200W	60°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 200W 830 90D	200W	90°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 200W 840 90D	200W	90°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 200W 857 90D	150W	90°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 250W 830 60D	250W	60°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 250W 840 60D	250W	60°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 250W 857 60D	250W	60°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 250W 830 90D	250W	90°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 250W 840 90D	250W	90°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 250W 857 90D	250W	90°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 100W Multi-CCT 60D	100W	60°	φ257mm (W) x89mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 100W Multi-CCT 90D	100W	90°	φ257mm (W) x89mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 150W Multi-CCT 60D	150W	60°	φ308mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 150W Multi-CCT 90D	150W	90°	φ308mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 200W Multi-CCT 60D	200W	60°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 200W Multi-CCT 90D	200W	90°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 250W Multi-CCT 60D	250W	60°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65
ECOFITZ HighBay 250W Multi-CCT 90D	250W	90°	φ381mm (W) x94mm (H)	80	AL	IP65

07

Đèn chống thấm

Waterproof



SIMPLITZ® Waterproof V2



Ưu điểm

Dải tùy chọn sản phẩm rộng

- Nhiều tổ hợp công suất đáp ứng các yêu cầu quang thông khác nhau
- 4 mức công suất: 17W/33W/28W/50W
- CCT: 4000K/5700K/6500K

Độ tin cậy cao và bảo vệ toàn diện

- Chống thấm IP65
- Chống va đập IK08
- Up to 150 lm/W
- L70 @25°C - duy trì quang thông 50.000 giờ

Lắp đặt và bảo trì dễ dàng

- Thiết kế mỏng, phù hợp không gian hạn chế
- Lắp nổi và lắp thả

Êm dịu cho mắt

- Không có điểm chói LED

Ứng dụng

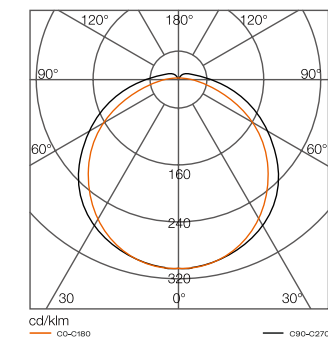
Khu vực ngoài trời có mái che, chiếu sáng trong nhà thông dụng, môi trường ẩm ướt và nhiều bụi, khu công nghiệp, bãi đỗ xe

Kích thước (Đơn vị: mm)



	17W	33W	28W	50W
L	1188mm	1188mm	1468mm	1468mm
W	64mm	64mm	64mm	64mm
H	66mm	66mm	66mm	66mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 4000K / 5700K / 6500K

Mã sản phẩm	Công suấtGóc chiếu		Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIMPLITZ WATERPROOF V2 17W L1200 840	17W	120°	1188mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 17W L1200 857	17W	120°	1188mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 17W L1200 865	17W	120°	1188mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 33W L1200 840	33W	120°	1188mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 33W L1200 857	33W	120°	1188mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 33W L1200 865	33W	120°	1188mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 28W L1500 840	28W	120°	1468mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 28W L1500 857	28W	120°	1468mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 28W L1500 865	28W	120°	1468mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 50W L1500 840	50W	120°	1468mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 50W L1500 857	50W	120°	1468mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 50W L1500 865	50W	120°	1468mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 17W L1200 840 DA	17W	120°	1188mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 17W L1200 857 DA	17W	120°	1188mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 17W L1200 865 DA	17W	120°	1188mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 33W L1200 840 DA	33W	120°	1188mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 33W L1200 857 DA	33W	120°	1188mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 33W L1200 865 DA	33W	120°	1188mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 28W L1500 840 DA	28W	120°	1468mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 28W L1500 857 DA	28W	120°	1468mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 28W L1500 865 DA	28W	120°	1468mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 50W L1500 840 DA	50W	120°	1468mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 50W L1500 857 DA	50W	120°	1468mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65
SIMPLITZ WATERPROOF V2 50W L1500 865 DA	50W	120°	1468mm (L) x64mm (W) x66mm (H)	80	PC	IP65

LED COMFO® Waterproof



- Ưu điểm
- Thấu kính lăng trụ độc đáo

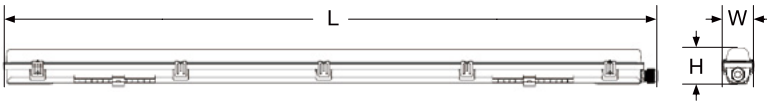
 - 4 dải công suất
 - Quang thông từ 2.500lm đến 8.400lm
 - Nhiệt độ màu 3000K/4000K/5700K/6500K
 - Phiên bản ON/OFF và DALI
- Bền bỉ và tin cậy

 - Tuổi thọ 50.000 giờ
 - Đạt chuẩn IP65, IK08
- An toàn và hiệu quả

 - Hiệu suất hệ thống đến 140lm/W
 - Nhựa PC đùn kép bền bỉ

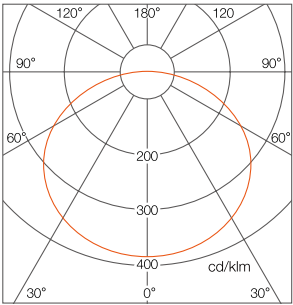
Ứng dụng Nhà máy, kho hàng, đường chui, bãi đỗ xe

Kích thước (Đơn vị: mm)



	18W	29W	43W	60W
L	1265mm	1265mm	1565mm	1565mm
W	65mm	65mm	65mm	65mm
H	70mm	70mm	70mm	70mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K / 6500K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
LCM WP 18W 840 L1200 VS9 OSRAM	18W	120°	1265mm(L) x 65mm (W) x 70mm (H)	>80	PC	IP65/IK08
LCM WP 29W 840 L1200 VS9 OSRAM	29W	120°	1265mm(L) x 65mm (W) x 70mm (H)	>80	PC	IP65/IK08
LCM WP 43W 840 L1500 VS9 OSRAM	43W	120°	1565mm(L) x 65mm (W) x 70mm (H)	>80	PC	IP65/IK08
LCM WP 60W 840 L1500 VS9 OSRAM	60W	120°	1565mm(L) x 65mm (W) x 70mm (H)	>80	PC	IP65/IK08

ECOFITZ® LED Waterproof



Ưu điểm

Thấu kính lăng trụ độ đảo

- Chùm sáng mềm mại, êm dịu cho mắt

Tin cậy

- Chống thấm IP65
- Nhựa PC đùn kép bền bỉ

Tiết kiệm năng lượng cao và ít bảo trì

- Hiệu suất phát quang đến 140 lm/W
- Tuổi thọ 50.000 giờ

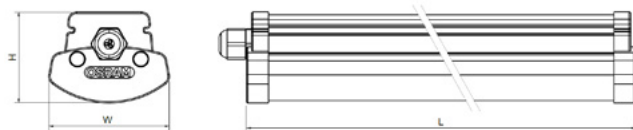
Tùy chọn lắp đặt linh hoạt

- Lắp nổi và lắp thả

Ứng dụng

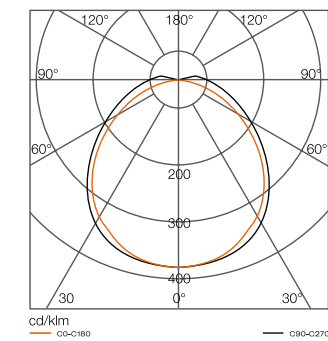
Nhà máy, kho hàng, đường chui, bãi đỗ xe, các ứng dụng bán ngoài trời khác

Kích thước (Đơn vị: mm)



	L600	L1200	L1500
L	590mm	1170mm	1450mm
W	83mm	83mm	83mm
H	64mm	64mm	64mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 4000K / 5700K / 6500K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
ECOFITZ LED WATERPROOF 20W L600 840	20W	120°	590mm (L) x83mm (W) x64mm (H)	≥80	PC	IP65
ECOFITZ LED WATERPROOF 20W L600 857	20W	120°	590mm (L) x83mm (W) x64mm (H)	≥80	PC	IP65
ECOFITZ LED WATERPROOF 20W L600 865	20W	120°	590mm (L) x83mm (W) x64mm (H)	≥80	PC	IP65
ECOFITZ LED WATERPROOF 40W L1200 840	40W	120°	1170mm (L) x83mm (W) x64mm (H)	≥80	PC	IP65
ECOFITZ LED WATERPROOF 40W L1200 857	40W	120°	1170mm (L) x83mm (W) x64mm (H)	≥80	PC	IP65
ECOFITZ LED WATERPROOF 40W L1200 865	40W	120°	1170mm (L) x83mm (W) x64mm (H)	≥80	PC	IP65
ECOFITZ LED WATERPROOF 48W L1500 840	48W	120°	1450mm (L) x83mm (W) x64mm (H)	≥80	PC	IP65
ECOFITZ LED WATERPROOF 48W L1500 857	48W	120°	1450mm (L) x83mm (W) x64mm (H)	≥80	PC	IP65
ECOFITZ LED WATERPROOF 48W L1500 865	48W	120°	1450mm (L) x83mm (W) x64mm (H)	≥80	PC	IP65

08

Phòng sạch

CleanRoom

You Light, Our Passion.



SIMPLITZ® Cleanroom Batten



- Ưu điểm
- Thiết kế chuyên dụng cho phòng sạch

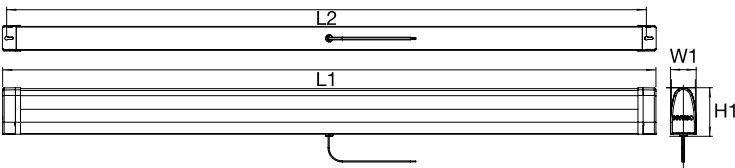
 - Kích thước mỏng, kiểu dáng thanh thoát
 - Giảm nhiễu loạn không khí và tích tụ bụi
 - Phiên bản Amber cho khu vực quang khắc
- Hiệu suất cao và tin cậy

 - Hiệu suất hệ thống đến 130lm/W
 - Duy trì quang thông 50.000 giờ
- Êm dịu cho mắt

 - Không có điểm chói LED

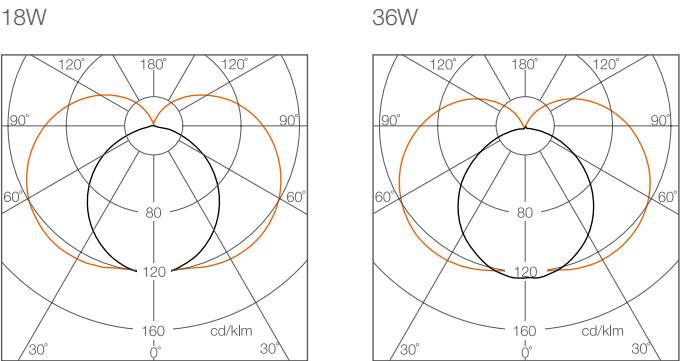
Ứng dụng Phòng sạch, xưởng sản xuất, chiếu sáng trong nhà thông dụng

Kích thước (Đơn vị: mm)



	18W	36W	36W (Amber)
L1	1200mm	1200mm	1200mm
L2	1174mm	1174mm	1174mm
W1	47mm	47mm	47mm
H1	89mm	89mm	89mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 4000K / 5700K / Amber

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM CR BTN 18W 840 L1200 WT VS16 OSRAM	18W	Rộng	1200mm (L) x47mm (W) x89mm (H)	>80	PC	IP40
SIM CR BTN 36W 840 L1200 WT VS16 OSRAM	36W	Rộng	1200mm (L) x47mm (W) x89mm (H)	>80	PC	IP40
SIM CR BTN 36W Amber L1200 WT VS16 OSRAM	36W	Rộng	1200mm (L) x47mm (W) x89mm (H)	>80	PC	IP40

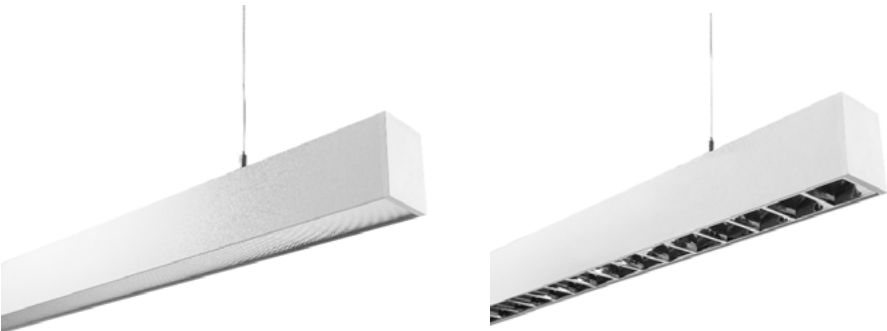
09

Đèn tuýp & Đèn thanh

Batten & Linear

You Light. Our Passion.

SIMPLITZ® Skyline



Ưu điểm

Hiệu năng ổn định, an toàn và tin cậy

- Vỏ nhôm định hình chắc chắn
- Đến 130lm/W
- Duy trì quang thông 50.000 giờ - L70(B50)
- Không nhấp nháy

Dài sản phẩm đầy đủ, đáp ứng mọi ứng dụng

- Công suất 16W, 32W
- Chiều dài 600mm, 1200mm
- UGR22 với bản thấu kính lăng trụ, UGR19 với bản chứa phản quang
- Có khớp góc chữ T, chữ L theo yêu cầu
- Có khớp nối liền mạch theo yêu cầu
- CCT 3000K, 4000K, 5700K
- ON/OFF, DALI2, 0-10V

Ứng dụng

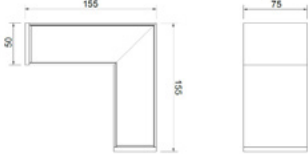
Văn phòng, bệnh viện, ngân hàng, trung tâm dịch vụ, khu vực công cộng

Kích thước (Đơn vị: mm)

SIMPLITZ Skyline



SIMPLITZ Skyline L Shape

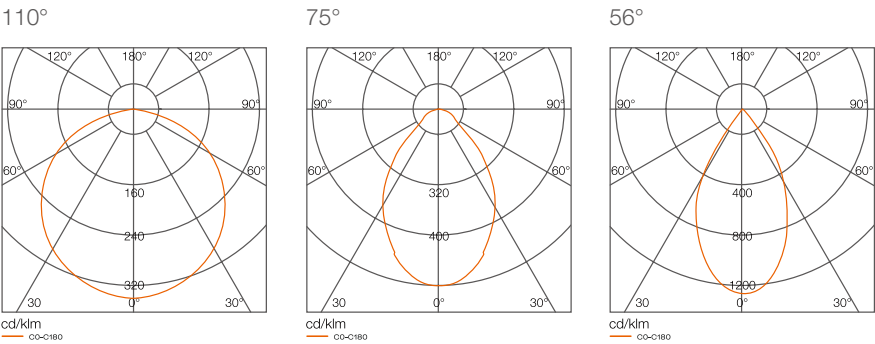


SIMPLITZ Skyline T Shape



	Tấm tán quang		Thấu kính lăng trụ		Chứa phản quang	
	L600	L1200	L600	L1200	L600	L1200
L	600mm	1200mm	600mm	1200mm	605mm	1200mm
W	50mm	50mm	50mm	50mm	50mm	50mm
H	75mm	75mm	75mm	75mm	75mm	75mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5700K

Bộ đèn (ON/OFF)

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu Góc	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIMPLITZ SKYLINE 16W L600 830 D	16W	110°	600mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 16W L600 840 D	16W	110°	600mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 16W L600 857 D	16W	110°	600mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 32W L1200 830 D	32W	110°	1200mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 32W L1200 840 D	32W	110°	1200mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 32W L1200 857 D	32W	110°	1200mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE L 8W 830 D	8W	110°	155mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE L 8W 840 D	8W	110°	155mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE L 8W 857 D	8W	110°	155mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE T 12W 830 D	12W	110°	155mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE T 12W 840 D	12W	110°	155mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE T 12W 857 D	12W	110°	155mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 16W L600 830 P	16W	75°	600mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 16W L600 840 P	16W	75°	600mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 16W L600 857 P	16W	75°	600mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 32W L1200 830 P	32W	75°	1200mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 32W L1200 840 P	32W	75°	1200mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 32W L1200 857 P	32W	75°	1200mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 16W L600 830 R	16W	56°	605mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 16W L600 840 R	16W	56°	605mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 16W L600 857 R	16W	56°	605mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 32W L1200 830 R	32W	56°	1200mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 32W L1200 840 R	32W	56°	1200mm	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ SKYLINE 32W L1200 857 R	32W	56°	1200mm	≥80	Aluminum	IP20

SIMPLITZ® Batten V4



- Ưu điểm
- Hiệu năng đã được kiểm chứng

- Tuổi thọ dài: 50.000 giờ L70 (B50)
 - Hiệu suất cao: 170 lm/W
 - Chiều sáng đồng đều
- Kết cấu bền vững

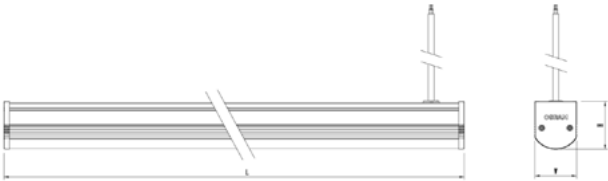
- Vỏ nhôm bền bỉ
 - Kiến trúc tản nhiệt tối ưu
- Cấu hình linh hoạt

- Ứng dụng linh hoạt với tùy chọn chiều dài từ 0,6M đến 1,5M
 - Tùy chọn công suất linh hoạt: 16W / 26W / 30W
- Thiết kế thông minh, bền với thời gian

- Thẩm mỹ hiện đại, tinh gọn
 - Lắp đặt dễ dàng
- Ứng dụng

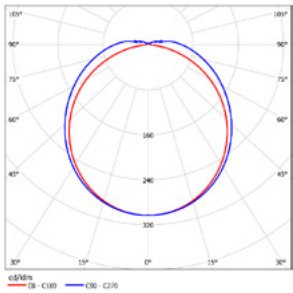
Đại siêu thị & bán lẻ, kho hàng & xưởng sản xuất, công trình công cộng

Kích thước (Đơn vị: mm)



	16W	26W	30W
L	585mm	1170mm	1470mm
W	43mm	43mm	43mm
H	52mm	52mm	52mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 4000K / 5700K / 6500K

Mã sản phẩm	Công suất Góc chiếu		Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIMPLITZ BATTEN V4 16W L600 840	16W	110°	585mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ BATTEN V4 16W L600 857	16W	110°	585mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ BATTEN V4 16W L600 865	16W	110°	585mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ BATTEN V4 26W L1200 840	26W	110°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ BATTEN V4 26W L1200 857	26W	110°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ BATTEN V4 26W L1200 865	26W	110°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ BATTEN V4 30W L1500 840	30W	110°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ BATTEN V4 30W L1500 857	30W	110°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	Aluminum	IP20
SIMPLITZ BATTEN V4 30W L1500 865	30W	110°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	Aluminum	IP20

SIMPLITZ® Batten V4 HE



Ưu điểm

Hiệu năng đã được kiểm chứng

- Tuổi thọ dài: 50.000 giờ L70 (B50)
- Hiệu suất cao: 150 lm/W
- Chiều sáng đồng đều

Kết cấu bền vững

- Vỏ nhôm bền bỉ
- Kiến trúc tản nhiệt tối ưu

Cấu hình linh hoạt

- Ứng dụng linh hoạt với tùy chọn chiều dài từ 0,6M đến 1,5M
- Tùy chọn công suất linh hoạt: 16W / 33W / 50W / 60W
- Điều khiển: ON/OFF, DIM 0-10V, DALI 2

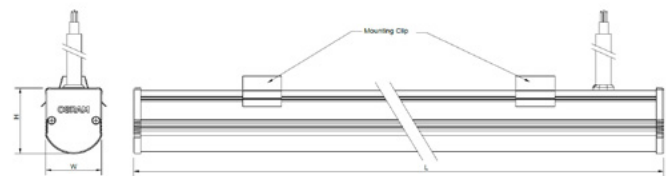
Thiết kế thông minh, bền với thời gian

- Thẩm mỹ hiện đại, tinh gọn
- Lắp đặt dễ dàng

Ứng dụng

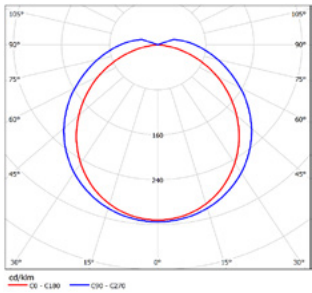
Đại siêu thị & bán lẻ, kho hàng & xưởng sản xuất, công trình công cộng

Kích thước (Đơn vị: mm)



	L600		L1200		L1500	
	16W	16W	33W	50W	60W	
L	585mm	1170mm	1170mm	1470mm	1470mm	
W	43mm	43mm	43mm	43mm	43mm	
H	52mm	52mm	52mm	52mm	52mm	

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 4000K / 5700K / 6500K

Mã sản phẩm	Công suất Góc chiếu		Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM BTN V4 HE 16W L600 840	16W	120°	585mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 16W L600 857	16W	120°	585mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 16W L600 865	16W	120°	585mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 16W L1200 840	16W	120°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTNV4 HE 16W L1200 857	16W	120°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 16W L1200 865	16W	120°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 33W L1200 840	33W	120°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 33W L1200 857	33W	120°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 33W L1200 865	33W	120°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 50W L1500 840	50W	120°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 50W L1500 857	50W	120°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 50W L1500 865	50W	120°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 60W L1500 840	60W	120°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 60W L1500 857	60W	120°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 60W L1500 865	60W	120°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 16W L600 840 DIM	16W	120°	585mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 16W L600 857 DIM	16W	120°	585mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 16W L600 865 DIM	16W	120°	585mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 16W L1200 840 DIM	16W	120°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 16W L1200 857 DIM	16W	120°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 16W L1200 865 DIM	16W	120°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 33W L1200 840 DIM	33W	120°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 33W L1200 857 DIM	33W	120°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 33W L1200 865 DIM	33W	120°	1170mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 50W L1500 840 DIM	50W	120°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 50W L1500 857 DIM	50W	120°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 50W L1500 865 DIM	50W	120°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 60W L1500 840 DIM	60W	120°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 60W L1500 857 DIM	60W	120°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40
SIM BTN V4 HE 60W L1500 865 DIM	60W	120°	1470mm(L) × 43mm(W) × 52mm(H)	≥80	PC	IP40

LED**COMFO**[®] Batten



- Ưu điểm
- Hiệu năng ổn định

- Hiệu suất cao: đến 110 lm/W
 - Tuổi thọ dài: 50.000 giờ L70 (B50)
 - Chiều sáng đồng đều
- Cấu hình linh hoạt

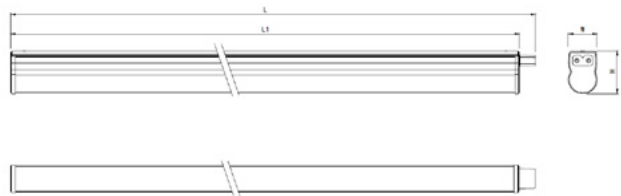
- Tùy chọn công suất linh hoạt: 4W / 7W / 10W / 14W
 - Nhiệt độ màu 3000K / 4000K / 6500K
 - Ứng dụng linh hoạt với tùy chọn chiều dài từ 0,3M đến 1,2M
- Thẩm mỹ tinh gọn

- Nối liền mạch với dây dẫn giấu kín
 - Thiết kế nhỏ gọn

Ứng dụng

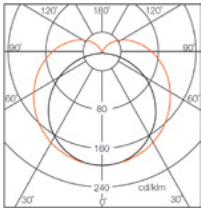
Đại siêu thị, kho hàng, xưởng sản xuất, chiếu sáng hắt trần, công trình công cộng

Kích thước (Đơn vị: mm)



	4W	7W	10W	14W
L	282mm	582mm	882mm	1182mm
L1	270mm	570mm	870mm	1170mm
W	21mm	21mm	21mm	21mm
H	32mm	32mm	32mm	32mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 6500K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	
LED COMFO BATTEN 4W L300 830	4W	150°	282mm (L) x21mm (W) x32mm (H)	≥80	PC	IP20
LED COMFO BATTEN 4W L300 840	4W	150°	282mm (L) x21mm (W) x32mm (H)	≥80	PC	IP20
LED COMFO BATTEN 4W L300 865	4W	150°	282mm (L) x21mm (W) x32mm (H)	≥80	PC	IP20
LED COMFO BATTEN 7W L600 830	7W	150°	582mm (L) x21mm (W) x32mm (H)	≥80	PC	IP20
LED COMFO BATTEN 7W L600 840	7W	150°	582mm (L) x21mm (W) x32mm (H)	≥80	PC	IP20
LED COMFO BATTEN 7W L600 865	7W	150°	582mm (L) x21mm (W) x32mm (H)	≥80	PC	IP20
LED COMFO BATTEN 10W L900 830	10W	150°	882mm (L) x21mm (W) x32mm (H)	≥80	PC	IP20
LED COMFO BATTEN 10W L900 840	10W	150°	882mm (L) x21mm (W) x32mm (H)	≥80	PC	IP20
LED COMFO BATTEN 10W L900 865	10W	150°	882mm (L) x21mm (W) x32mm (H)	≥80	PC	IP20
LED COMFO BATTEN 14W L1200 830	14W	150°	1182mm (L) x21mm (W) x32mm (H)	≥80	PC	IP20
LED COMFO BATTEN 14W L1200 840	14W	150°	1182mm (L) x21mm (W) x32mm (H)	≥80	PC	IP20
LED COMFO BATTEN 14W L1200 865	14W	150°	1182mm (L) x21mm (W) x32mm (H)	≥80	PC	IP20

LEDCOMFO® Batten HE



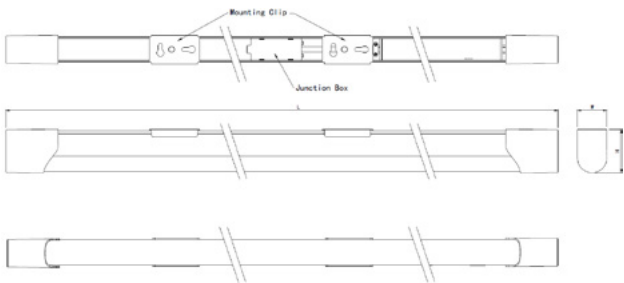
Ưu điểm

- Hiệu năng ổn định
- Hiệu suất cao: đến 140 lm/W
 - Tuổi thọ dài: 50.000 giờ L70 (B50)
 - Chiều sáng đồng đều
- Cấu hình linh hoạt
- Tùy chọn công suất linh hoạt: 10W / 20W / 24W
 - Nhiệt độ màu 3000K / 4000K / 6500K
 - Ứng dụng linh hoạt với tùy chọn chiều dài từ 0,6M đến 1,5M

Ứng dụng

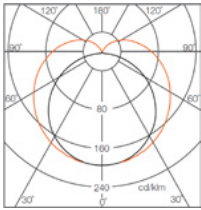
Đại siêu thị, cửa hàng bán lẻ, kho hàng, xưởng sản xuất, công trình công cộng

Kích thước (Đơn vị: mm)



	10W	20W	24W
L	634mm	1234mm	1534mm
W	29mm	29mm	29mm
H	44mm	44mm	44mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 6500K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	
LEDCOMFO BATTEN HE 10W L600 830	10W	130°	634mm (L) x29mm (W) x44mm (H)	≥80	Aluminum	IP20
LEDCOMFO BATTEN HE 10W L600 840	10W	130°	634mm (L) x29mm (W) x44mm (H)	≥80	Aluminum	IP20
LEDCOMFO BATTEN HE 10W L600 865	10W	130°	634mm (L) x29mm (W) x44mm (H)	≥80	Aluminum	IP20
LEDCOMFO BATTEN HE 20W L1200 830	20W	130°	1234mm (L) x29mm (W) x44mm (H)	≥80	Aluminum	IP20
LEDCOMFO BATTEN HE 20W L1200 840	20W	130°	1234mm (L) x29mm (W) x44mm (H)	≥80	Aluminum	IP20
LEDCOMFO BATTEN HE 20W L1200 865	20W	130°	1234mm (L) x29mm (W) x44mm (H)	≥80	Aluminum	IP20
LEDCOMFO BATTEN HE 24W L1500 830	24W	130°	1534mm (L) x29mm (W) x44mm (H)	≥80	Aluminum	IP20
LEDCOMFO BATTEN HE 24W L1500 840	24W	130°	1534mm (L) x29mm (W) x44mm (H)	≥80	Aluminum	IP20
LEDCOMFO BATTEN HE 24W L1500 865	24W	130°	1534mm (L) x29mm (W) x44mm (H)	≥80	Aluminum	IP20

10

Đèn downlight

Downlight

You Light. Our Passion.

LEDTOUCH® Cylinder Downlight V2



- Ưu điểm

Tiết kiệm năng lượng

 - Tiết kiệm 50% năng lượng so với đèn downlight truyền thống

Hiệu năng chiếu sáng vượt trội

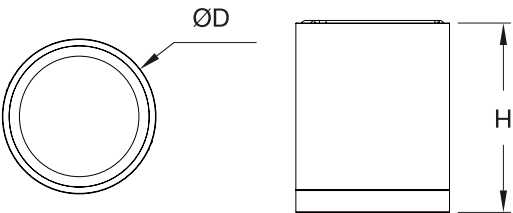
 - Không nhấp nháy, ít chói, UGR<19
 - Đến 110lm/W
 - Tuổi thọ 30.000 giờ

Dải sản phẩm đầy đủ cho mọi ứng dụng

 - Kích cỡ: 3.5"/4"/5.5"/6"/8"/10"
 - 12 mức công suất: 8W/15W/20W/24W/28W/33W/35W/50W/75W/100W/120W/150W
 - CCT: 3000K/4000K/5000K
- Ứng dụng

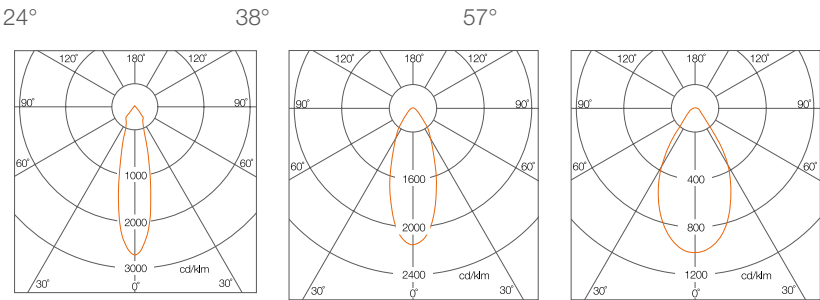
Ga tàu điện ngầm, sân bay, tòa nhà văn phòng, trung tâm thương mại, công trình công cộng

Kích thước (Đơn vị: mm)



	3.5"	4"	5.5"	6"	8"	10"
ØD	90mm	110mm	135mm	160mm	220mm	260mm
H	110mm	140mm	170mm	200mm	235mm	275mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5000K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
LDTH CYLINDER V2 350 8W 930 24/38/57D 18X1 OSRAM	8W	24°/38°/57°	Ø90mm x110mm (H)	>90	Aluminum	IP65
LDTH CYLINDER V2 350 15W 930 24/38/57D 18X1 OSRAM	15W	24°/38°/57°	Ø90mm x110mm (H)	>90	Aluminum	IP65
LDTH CYLINDER V2 400 15W 930 24/38/57D 12X1 OSRAM	15W	24°/38°/57°	Ø90mm x110mm (H)	>90	Aluminum	IP65
LDTH CYLINDER V2 400 20W 930 24/38/57D 12X1 OSRAM	20W	24°/38°/57°	Ø110mm x140mm (H)	>90	Aluminum	IP65
LDTH CYLINDER V2 400 24W 930 24/38/57D 12X1 OSRAM	24W	24°/38°/57°	Ø110mm x140mm (H)	>90	Aluminum	IP65
LDTH CYLINDER V2 550 28W 930 24/38/57D 4X1 OSRAM	28W	24°/38°/57°	Ø135mm x170mm (H)	>90	Aluminum	IP65
LDTH CYLINDER V2 550 33W 930 24/38/57D 4X1 OSRAM	33W	24°/38°/57°	Ø135mm x170mm (H)	>90	Aluminum	IP65
LDTH CYLINDER V2 600 35W 930 57D 4X1 OSRAM	35W	57°	Ø160mm x200mm (H)	>90	Aluminum	IP65
LDTH CYLINDER V2 600 50W 930 57D 4X1 OSRAM	50W	57°	Ø160mm x200mm (H)	>90	Aluminum	IP65
LDTH CYLINDER V2 800 75W 930 57D VS1 OSRAM	75W	57°	Ø220mm x235mm (H)	>90	Aluminum	IP65
LDTH CYLINDER V2 800 100W 930 57D VS1 OSRAM	100W	57°	Ø220mm x235mm (H)	>90	Aluminum	IP65
LDTH CYLINDER V2 1000 120W 930 57D VS1 OSRAM	120W	57°	Ø260mm x275mm (H)	>90	Aluminum	IP65
LDTH CYLINDER V2 1000 150W 930 57D VS1 OSRAM	150W	57°	Ø260mm x275mm (H)	>90	Aluminum	IP65

SIMPLITZ® Downlight



Ưu điểm

Quang học êm dịu

- Đến 137lm/W
- Kết cấu âm sâu mang lại khả năng kiểm soát chói xuất sắc
- độ đồng đều cao

Hiệu năng ổn định, an toàn và tin cậy

- Vỏ kim loại chắc chắn
- Tuổi thọ dài đến 50.000 giờ
- Không nhấp nháy

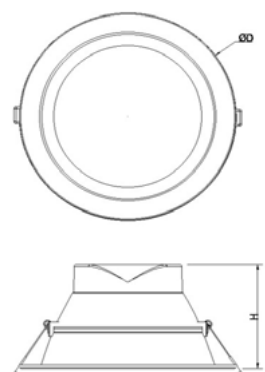
Dải sản phẩm đầy đủ, đáp ứng mọi ứng dụng

- Kích cỡ 4", 5", 6", 8"
- Công suất 8.5W, 12.5W, 16W, 21W, 29W, 39W
- CCT 3000K, 4000K, 6500K
- ON/OFF, DALI 2, 0-10V DIM
- Dây chò sẵn 150mm

Ứng dụng

Sảnh và hành lang, văn phòng, tòa nhà thương mại, trung tâm thương mại

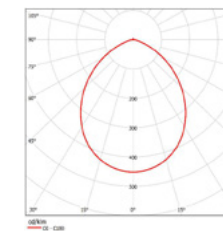
Kích thước (Đơn vị: mm)



	4"	5"	6"	8"	8"	8"
	8.5W	12.5W	16W	21W	29W	39W
D	Ø120mm	Ø148mm	Ø180mm	Ø220mm	Ø220mm	Ø220mm
H	76mm	80mm	100mm	109mm	109mm	109mm
Lỗ khoét	Ø100mm	Ø125mm	Ø155mm	Ø195mm	Ø195mm	Ø195mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng

110°



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 6500K

Bộ đèn (ON/OFF)

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Lỗ khoét Ø mm	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM DL 8.5W 830 4IN	8.5W	100°	Ø100mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 8.5W 840 4IN	8.5W	100°	Ø100mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 8.5W 865 4IN	8.5W	100°	Ø100mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 12.5W 830 5IN	12.5W	100°	Ø125mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 12.5W 840 5IN	12.5W	100°	Ø125mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 12.5W 865 5IN	12.5W	100°	Ø125mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 16W 830 6IN	16W	100°	Ø155mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 16W 840 6IN	16W	100°	Ø155mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 16W 865 6IN	16W	100°	Ø155mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 21W 830 8IN	21W	100°	Ø195mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 21W 840 8IN	21W	100°	Ø195mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 21W 865 8IN	21W	100°	Ø195mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 29W 830 8IN	29W	100°	Ø195mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 29W 840 8IN	29W	100°	Ø195mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 29W 865 8IN	29W	100°	Ø195mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 39W 830 8IN	39W	100°	Ø195mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 39W 840 8IN	39W	100°	Ø195mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
SIM DL 39W 865 8IN	39W	100°	Ø195mm	>80	SPCC	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)

LED COMFO® Downlight



- Ưu điểm
- Đáp ứng các ứng dụng chiếu sáng

 - Đến 110lm/W
 - Ra>80, R9>0
 - Góc chiếu rộng 110°
 - Nguồn tích hợp

Hiệu năng đảm bảo, tin cậy

 - Trong nhà IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
 - Chống sét lan truyền pha-pha 1KV
 - Tuổi thọ dài đến 30.000 giờ
 - Không nhấp nháy

Lắp đặt dễ dàng

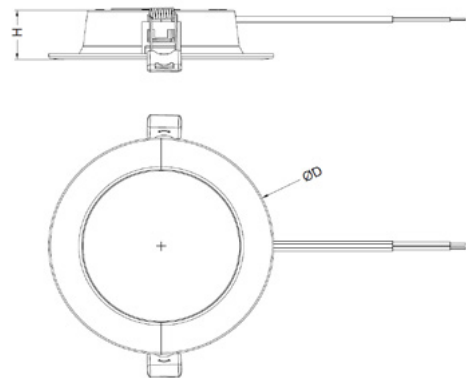
 - Nguồn tích hợp
 - Thiết kế mỏng với chiều cao 25-30mm
 - Dây chờ sẵn 150mm

Dải sản phẩm đầy đủ, đáp ứng mọi ứng dụng

 - Bốn tùy chọn kích cỡ 4"/5"/6"/8"
 - Dải công suất đầy đủ 7.5W / 9W / 14.5W / 22W
 - 3000K, 4000K, 6500K

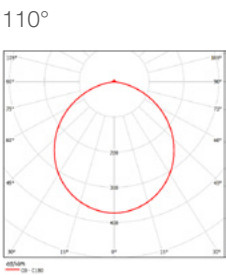
Ứng dụng Tòa nhà thương mại, văn phòng, khu vực công cộng, xưởng sản xuất

Kích thước (Đơn vị: mm)



	4"	5"	6"	8"
	7.5W	9W	14.5W	22W
D	Ø116mm	Ø144mm	Ø169mm	Ø223mm
H	25mm	26mm	26mm	30mm
Lỗ khoét	Ø100mm	Ø125mm	Ø150mm	Ø200mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 6500K

Bộ đèn (ON/OFF)

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Lỗ khoét Ø mm	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
LCM DL 7.5W 830 4IN	7.5W	110°	Ø100mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 7.5W 840 4IN	7.5W	110°	Ø100mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 7.5W 865 4IN	7.5W	110°	Ø100mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 9W 830 5IN	9W	110°	Ø125mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 9W 840 5IN	9W	110°	Ø125mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 9W 865 5IN	9W	110°	Ø125mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 14.5W 830 6IN	14.5W	110°	Ø150mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 14.5W 840 6IN	14.5W	110°	Ø150mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 14.5W 865 6IN	14.5W	110°	Ø150mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 22W 830 8IN	22W	110°	Ø200mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 22W 840 8IN	22W	110°	Ø200mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 22W 865 8IN	22W	110°	Ø200mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 7.5W 830 4IN C	7.5W	110°	Ø100mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 7.5W 840 4IN C	7.5W	110°	Ø100mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 7.5W 865 4IN C	7.5W	110°	Ø100mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 9W 830 5INC	9W	110°	Ø125mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 9W 840 5INC	9W	110°	Ø125mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 9W 865 5INC	9W	110°	Ø125mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 14.5W 830 6IN C	14.5W	110°	Ø150mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 14.5W 840 6IN C	14.5W	110°	Ø150mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 14.5W 865 6IN C	14.5W	110°	Ø150mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 22W 830 8IN C	22W	110°	Ø200mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 22W 840 8IN C	22W	110°	Ø200mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)
LCM DL 22W 865 8IN C	22W	110°	Ø200mm	>80	PP	IP40 (IP54 cho mặt phát sáng)

11

Đèn rọi

Spotlight



SIMPLITZ® Spot Light



Ưu điểm

Quang học êm dịu với CRI cao và chỉ số UGR tốt

- Đến 95lm/W
- Đến UGR≤9
- Ra≥90, R9≥50

Hiệu năng đảm bảo, tin cậy

- Vỏ nhôm đúc áp lực
- Tuổi thọ dài đến 50.000 giờ - L70@25°C
- Không nhấp nháy

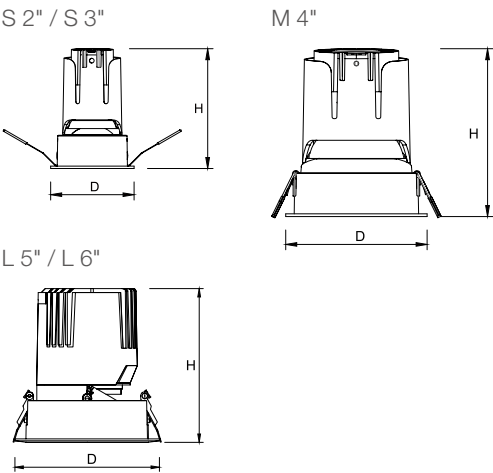
Dải sản phẩm đầy đủ, đáp ứng mọi ứng dụng

- Kích thước lỗ khoét Ø55mm, Ø75mm, Ø95mm, Ø120mm, Ø145mm
- Công suất 6W - 50W
- Góc chiếu 18°, 24°, 36°, 48°, 55°
- CCT 3000K, 4000K, 5000K
- ON/OFF, DALI 2, 0-10V DIM

Ứng dụng

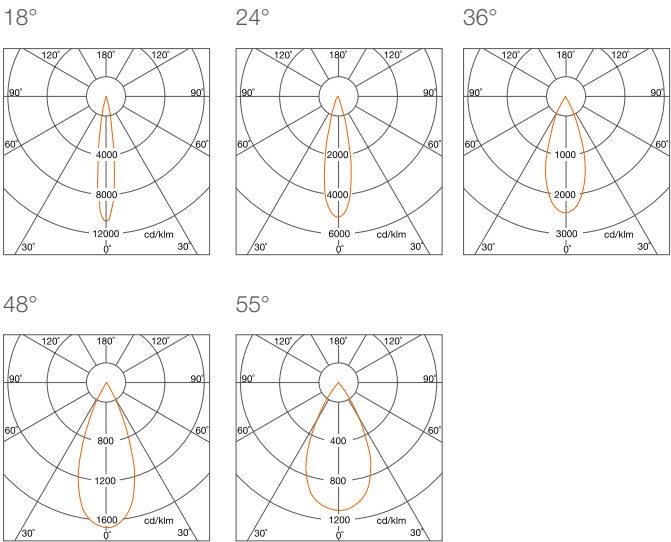
Khách sạn, trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ, sân bay, ga tàu điện ngầm, công trình công cộng

Kích thước (Đơn vị: mm)



	S 2"	S 3"	M 4"	L 5"	L 6"
	D55	D75	D95	D120	D145
D	Ø62mm	Ø84mm	Ø105mm	Ø140mm	Ø168mm
H	89mm	92mm	125mm	149mm	179mm
Lỗ khoét	Ø55mm	Ø75mm	Ø95mm	Ø120mm	Ø145mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 5000K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM SL S 6W D55	6W	18°, 24°, 36°, 48°	Ø62mm x89mm (H)	90	Die-cast aluminum	IP20
SIM SL S 8W D55	8W	18°, 24°, 36°, 48°	Ø62mm x89mm (H)	90	Die-cast aluminum	IP20
SIM SL S 12W D75	12W	18°, 24°, 36°, 48°	Ø84mm x92mm (H)	90	Die-cast aluminum	IP20
SIM SL S 15W D75	15W	18°, 24°, 36°, 48°	Ø84mm x92mm (H)	90	Die-cast aluminum	IP20
SIM SL M 20W D95	20W	18°, 24°, 36°, 48°	Ø105mm x125mm (H)	90	Die-cast aluminum	IP20
SIM SL M 24W D95	24W	18°, 24°, 36°, 48°	Ø105mm x125mm (H)	90	Die-cast aluminum	IP20
SIM SL L 35W D120	35W	18°, 24°, 36°, 55°	Ø140mm x149mm (H)	90	Die-cast aluminum	IP20
SIM SL L 40W D145	40W	18°, 24°, 36°, 55°	Ø168mm x179mm (H)	90	Die-cast aluminum	IP20
SIM SL L 50W D145	50W	24°, 36°, 55°	Ø168mm x179mm (H)	90	Die-cast aluminum	IP20

LEDCOMFO® Spot Light



Ưu điểm

- Thiết kế cổ điển, chiếu sáng chính xác**
- Thiết kế cổ điển, đơn giản, phù hợp mọi phong cách nội thất
 - Thiết kế quang học tối ưu mang lại hiệu ứng chiếu điểm xuất sắc
 - Kiểm soát góc chính xác trên chóa phản quang, cho góc chiếu 36°

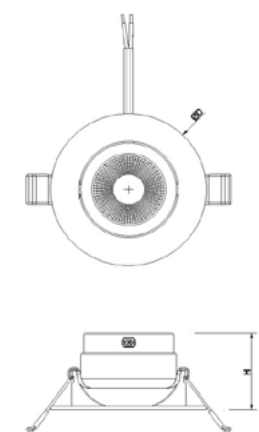
- Hiệu năng vượt trội và độ tin cậy cao**
- Nguồn tích hợp bên trong cho chất lượng và độ tin cậy cao
 - Chống sét lan truyền 1KV, bảo vệ trong môi trường điện khắc nghiệt hơn
 - Tuổi thọ dài đến 30.000 giờ
 - Không nhấp nháy

- Giải pháp toàn diện cho các ứng dụng khác nhau**
- Thân đèn nghiêng được ±20°
 - Dải công suất đầy đủ 3W/6W/7.5W
 - CCT 3000K/4000K/6500K

Ứng dụng

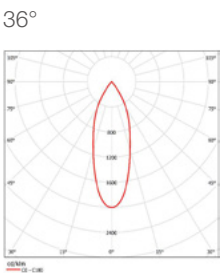
Tòa nhà thương mại, cửa hàng bán lẻ, trung tâm thương mại, sảnh và hành lang

Kích thước (Đơn vị: mm)



	3W	6W	7.5W
D	Ø90mm	Ø90mm	Ø90mm
H	46mm	46mm	46mm
Lỗ khoét	Ø75mm	Ø75mm	Ø75mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 6500K

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Lỗ khoét Ø mm	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
LCM SL 3W 830	3W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 3W 840	3W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 3W 865	3W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 6W 830	6W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 6W 840	6W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 6W 865	6W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 7.5W 830	7.5W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 7.5W 840	7.5W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 7.5W 865	7.5W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 3W 830 C	3W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 3W 840 C	3W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 3W 865 C	3W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 6W 830 C	6W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 6W 840 C	6W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 6W 865 C	6W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 7.5W 830 C	7.5W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 7.5W 840 C	7.5W	36°	Ø75	>80	PC	IP20
LCM SL 7.5W 865 C	7.5W	36°	Ø75	>80	PC	IP20

12

Đèn panel

Panel



SIMPLITZ® Panel Optimum



- Ưu điểm
- Kiểu dáng đơn giản, chất lượng ổn định

- Khung nhôm định hình chắc chắn

- Lắp đặt dễ dàng

Hiệu năng ổn định, an toàn và tin cậy

- Đến 125lm/W

- PF≥0.95

- UGR≤19

- Duy trì quang thông 50.000 giờ - L70@25°C

Dải sản phẩm đầy đủ, đáp ứng mọi ứng dụng

- 2ft×2ft, 4ft×1ft, 4ft×2ft

- Công suất 32W, 42W

- CCT 4000K, 5700K, 6500K

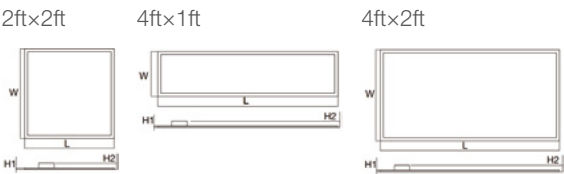
- Điều khiển ON&OFF, DIM 0-10V, DALI

- Lắp âm, lắp thả, lắp trần khung xương

Ứng dụng Văn phòng, trường học, ngân hàng, cửa hàng, công trình công cộng

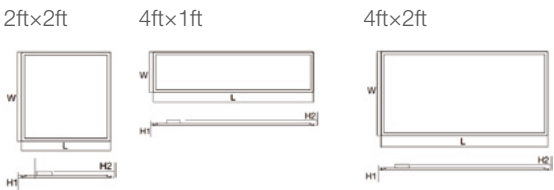
Kích thước (Đơn vị: mm)

Lắp âm / lắp thả / lắp nổi PCV



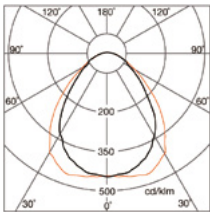
	2ftx2ft 32W	4ftx1ft 32W	4ftx2ft 42W
L	595mm	1195mm	1195mm
W	595mm	295mm	595mm
H	9mm	9mm	11mm
H2 @ON/OFF	37mm	37mm	39mm
H2 @DALI	42mm	42mm	44mm

Lắp trần khung xương



	2ftx2ft 32W	4ftx1ft 32W	4ftx2ft 42W
L	600mm	1200mm	1200mm
W	600mm	300mm	600mm
H	16mm	16mm	16mm
H2 @ON/OFF	35.8mm	35.8mm	35.8mm
H2 @DALI	40.8mm	40.8mm	40.8mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 4000K / 5700K / 6500K

Mã sản phẩm	Công suất	Đặc tính Góc	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM PL OPT 0606 32W 840 GC VS6 OSRAM	32W	90°	595mm(L) × 595mm(W) × 9mm(H)	≥80	Khung nhôm	IP20
SIM PL OPT 0312 32W 840 GC VS6 OSRAM	32W	90°	1195mm(L) × 295mm(W) × 9mm(H)	≥80	Khung nhôm	IP20
SIM PL OPT 0612 42W 840 GC VS6 OSRAM	42W	90°	1195mm(L) × 595mm(W) × 11mm(H)	≥80	Khung nhôm	IP20
SIM PL OPT 0606 32W 840 DIM GC VS6 OSRAM	32W	90°	595mm(L) × 595mm(W) × 9mm(H)	≥80	Khung nhôm	IP20
SIM PL OPT 0312 32W 840 DIM GC VS6 OSRAM	32W	90°	1195mm(L) × 295mm(W) × 9mm(H)	≥80	Khung nhôm	IP20
SIM PL OPT 0612 42W 840 DIM GC VS6 OSRAM	42W	90°	1195mm(L) × 595mm(W) × 11mm(H)	≥80	Khung nhôm	IP20

SIMPLITZ® Panel Visio



Ưu điểm

Quang học êm dịu với độ đồng đều cao

- Tầm tán quang chất lượng cao với thấu kính bên trong đảm bảo độ đồng đều cao
- Không nhấp nháy
- Up to 165lm/W
- RG0

Hiệu năng đảm bảo, tin cậy

- Trong nhà IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
- Chống sét lan truyền pha-pha 1KV
- Tuổi thọ dài đến 50.000 giờ - L70@25°C
- PF 0.95

Lắp đặt dễ dàng

- Nguồn rời
- Dây chờ sẵn 150mm

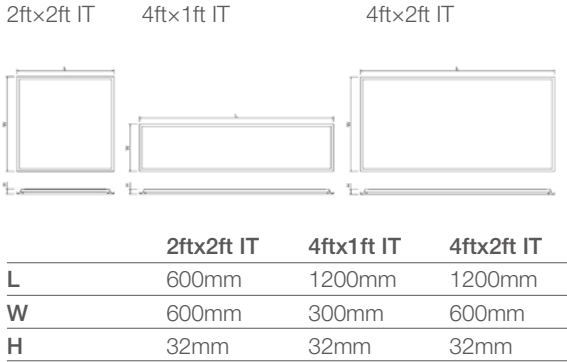
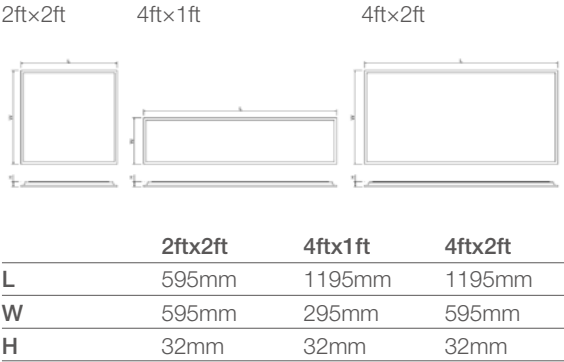
Dải sản phẩm đầy đủ, đáp ứng mọi ứng dụng

- 2ft×2ft, 4ft×1ft, 4ft×2ft
- Lắp âm, lắp thả, lắp trần khung xương, PCV, lắp nổi
- 3000K, 4000K, 6500K

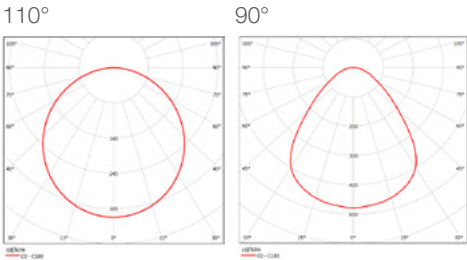
Ứng dụng

Ga tàu điện ngầm, văn phòng, khu vực công cộng, bệnh viện

Kích thước (Đơn vị: mm)



Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 6500K

Bộ đèn (ON/OFF)

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
SIM PL VSO 0606 25W 830	25W	110°	595mm(L) × 595mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0606 25W 840	25W	110°	595mm(L) × 595mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0606 25W 865	25W	110°	595mm(L) × 595mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0312 25W 830	25W	110°	1195mm(L) × 295mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0312 25W 840	25W	110°	1195mm(L) × 295mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0312 25W 865	25W	110°	1195mm(L) × 295mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0612 50W 830	50W	110°	1195mm(L) × 295mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0612 50W 840	50W	110°	1195mm(L) × 295mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0612 50W 865	50W	110°	1195mm(L) × 295mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0606 25W 830 IT	25W	110°	600mm(L) × 600mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0606 25W 840 IT	25W	110°	600mm(L) × 600mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0606 25W 865 IT	25W	110°	600mm(L) × 600mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0312 25W 830 IT	25W	110°	1200mm(L) × 300mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0312 25W 840 IT	25W	110°	1200mm(L) × 300mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0312 25W 865 IT	25W	110°	1200mm(L) × 300mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0612 50W 830 IT	50W	110°	1200mm(L) × 600mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0612 50W 840 IT	50W	110°	1200mm(L) × 600mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0612 50W 865 IT	50W	110°	1200mm(L) × 600mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0606 25W 830 GC	25W	90°	595mm(L) × 595mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0606 25W 840 GC	25W	90°	595mm(L) × 595mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0606 25W 865 GC	25W	90°	595mm(L) × 595mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0312 25W 830 GC	25W	90°	1195mm(L) × 295mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0312 25W 840 GC	25W	90°	1195mm(L) × 295mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0312 25W 865 GC	25W	90°	1195mm(L) × 295mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0612 50W 830 GC	50W	90°	1195mm(L) × 295mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0612 50W 840 GC	50W	90°	1195mm(L) × 295mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0612 50W 865 GC	50W	90°	1195mm(L) × 295mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0606 25W 830 IT GC	25W	90°	600mm(L) × 600mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0606 25W 840 IT GC	25W	90°	600mm(L) × 600mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0606 25W 865 IT GC	25W	90°	600mm(L) × 600mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0312 25W 830 IT GC	25W	90°	1200mm(L) × 300mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0312 25W 840 IT GC	25W	90°	1200mm(L) × 300mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0312 25W 865 IT GC	25W	90°	1200mm(L) × 300mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0612 50W 830 IT GC	50W	90°	1200mm(L) × 600mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0612 50W 840 IT GC	50W	90°	1200mm(L) × 600mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20
SIM PL VSO 0612 50W 865 IT GC	50W	90°	1200mm(L) × 600mm(W) × 32mm(H)	≥80	SPCC	IP20

LEDCOMFO® Panel Visio



Ưu điểm

- Quang học êm dịu với độ đồng đều cao
 - Tầm tán quang chất lượng cao với thấu kính bên trong đảm bảo độ đồng đều cao
 - Không nhấp nháy
 - Up to 125lm/W
 - RG0
- Hiệu năng đảm bảo, tin cậy
 - Trong nhà IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
 - Chống sét lan truyền pha-pha 1KV
 - Tuổi thọ dài đến 50.000 giờ - L70@25°C
 - PF 0.95
- Lắp đặt dễ dàng
 - Nguồn rời
 - Dây chờ sẵn 150mm
- Dải sản phẩm đầy đủ, đáp ứng mọi ứng dụng
 - 2ft×2ft, 4ft×1ft, 4ft×2ft
 - Lắp âm, lắp thả, lắp trần khung xương, PCV, lắp nổi
 - 3000K, 4000K, 6500K

Ứng dụng

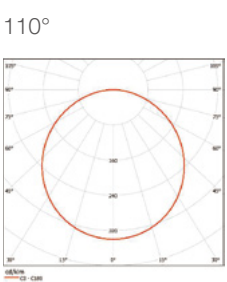
Ga tàu điện ngầm, văn phòng, khu vực công cộng, bệnh viện

Kích thước (Đơn vị: mm)

	2ftx2ft	4ftx1ft	4ftx2ft
L	595mm	1195mm	1195mm
W	595mm	295mm	595mm
H	32mm	32mm	32mm

	2ftx2ft IT	4ftx1ft IT	4ftx2ft IT
L	600mm	1200mm	1200mm
W	600mm	300mm	600mm
H	32mm	32mm	32mm

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 6500K

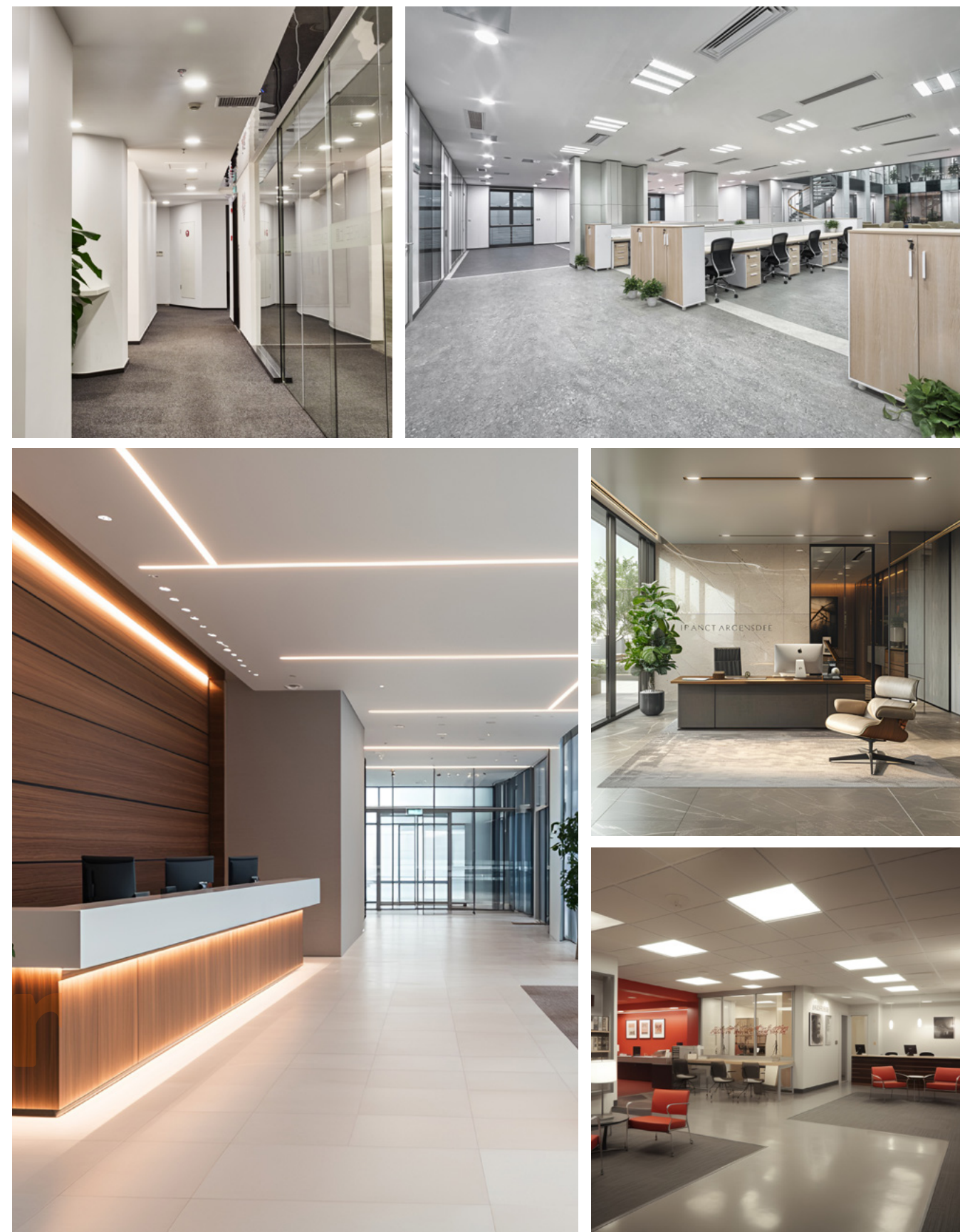
Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	IP
LCM PL VSO 0606 34W 830	34W	110°	2ft×2ft	Ra>80, R9>0	Khung nhôm	IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
LCM PL VSO 0606 34W 840	34W	110°	2ft×2ft	Ra>80, R9>0	Khung nhôm	IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
LCM PL VSO 0606 34W 865	34W	110°	2ft×2ft	Ra>80, R9>0	Khung nhôm	IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
LCM PL VSO 0312 34W 830	34W	110°	4ft×1ft	Ra>80, R9>0	Khung nhôm	IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
LCM PL VSO 0312 34W 840	34W	110°	4ft×1ft	Ra>80, R9>0	Khung nhôm	IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
LCM PL VSO 0312 34W 865	34W	110°	4ft×1ft	Ra>80, R9>0	Khung nhôm	IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
LCM PL VSO 0612 50W 830	50W	110°	4ft×2ft	Ra>80, R9>0	Khung nhôm	IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
LCM PL VSO 0612 50W 840	50W	110°	4ft×2ft	Ra>80, R9>0	Khung nhôm	IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
LCM PL VSO 0612 50W 865	50W	110°	4ft×2ft	Ra>80, R9>0	Khung nhôm	IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
LCM PL VSO 0612 60W 830	60W	110°	4ft×2ft	Ra>80, R9>0	Khung nhôm	IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
LCM PL VSO 0612 60W 840	60W	110°	4ft×2ft	Ra>80, R9>0	Khung nhôm	IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)
LCM PL VSO 0612 60W 865	60W	110°	4ft×2ft	Ra>80, R9>0	Khung nhôm	IP20 (IP40 cho mặt panel phát sáng)

13

Bộ nguồn

Driver

You Light. Our Passion.



Dòng không đổi, hệ số công suất cao
Bộ nguồn ON/OFF



- Ưu điểm
- Đặc tính sản phẩm

 - Bộ nguồn LED độc lập
 - Có các mức 9W 13W 18W 20W 30W 40W 50W 60W
 - Hệ số công suất cao: PF>0.95
 - Tuổi thọ: >50.000 giờ

Ưu điểm dòng sản phẩm

 - Hiệu suất cao, độ tin cậy cao
 - Chống sét: L-N 1kV
 - Không nhấp nháy
 - Dòng ra chọn bằng công tắc DIP
 - IP20
 - Phù hợp bộ đèn Class II

Ứng dụng Đèn panel, đèn downlight, đèn rọi, đèn trần, v.v.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	EAN	Công suất ra (W, Max)	Đầu ra Dòng điện (mA)	Đầu vào Điện áp (V)	Đầu ra Điện áp (V)	Hiệu suất (Đầy tải)	Kích thước (L*W*H/mm)
TX-009H-C0250-IONF-T20	TXGL25100106155	9	100/150/200/250	220-240	25-42V	84%	96*36*24
TX-013H-C0350-IONF-T20	TXGL25100106255	13	200/250/300/350	220-240	25-42V	86%	96*36*24
TX-020H-C0550-IONF-T20	TXGA25100106455	20	400/450/500/550	220-240	25-42V	87%	96*36*24
TX-030H-C0750-IONF-T20	TXGA25100106555	30	400/450/500/550/600/650/700/750	220-240	25-42V	89.5%	115*41*28
TX-040H-C1050-IONF-T20	TXGA25100106655	40	700/750/800/850/900/950/1000/1050	220-240	25-42V	89.5%	115*41*28
TX-060H-C1500-IONF-T20	TXGA25100106855	60	1200/1300/1400/1500	220-240	30-40V	93%	115*41*28

Dòng không đổi 3-in-1 (0-10V/PWM/Rx)
Bộ nguồn dimming



- Ưu điểm
- Đặc tính sản phẩm

 - Bộ nguồn LED dimming độc lập
 - Có các mức 12W 20W 30W 40W
 - Hệ số công suất cao: PF>0.9
 - Tuổi thọ: >50.000 giờ

Ưu điểm dòng sản phẩm

 - Hỗ trợ dimming 0-10V/PWM/Rx
 - Khả năng dimming tốt
 - Chống sét: L-N 2kV
 - Không nhấp nháy
 - Dòng ra chọn bằng công tắc DIP
 - IP20
 - Phù hợp bộ đèn Class II

Ứng dụng Chiếu sáng thương mại và dân dụng, chiếu sáng văn phòng và trang trí

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	EAN	Công suất ra (W, Max)	Đầu ra Dòng điện (mA)	Đầu vào Điện áp (V)	Đầu ra Điện áp (V)	Hiệu suất (Đầy tải)	Kích thước (L*W*H/mm)
TX-012H-C0300-IDIM-T20	TXGA25100106955	12	150/200/250/300	220-240	25-42V	82.5%	122*40*25
TX-020H-C0500-IDIM-T20	TXGA25100107055	20	350/400/450/500	220-240	25-42V	86.5%	122*40*25
TX-030H-C0750-IDIM-T20	TXGA25100107155	30	500/550/600/650/700/750	220-240	25-42V	88.0%	142*46*28
TX-040H-C1050-IDIM-T20	TXGA25100107255	40	800/850/900/950/1000/1050	220-240	25-42V	89.0%	142*46*28

Dòng không đổi DALI-2 DT6
Bộ nguồn dimming



- Ưu điểm
- Đặc tính sản phẩm

 - Bộ nguồn LED dimming độc lập
 - Có các mức 9W 13W 30W 40W 60W
 - Hệ số công suất cao: PF>0.95
 - Tuổi thọ: >50.000 giờ
- Ưu điểm dòng sản phẩm

 - Dimming DALI 2 & push, chọn được đường cong dimming
 - Độ sâu dimming 1%
 - Chống sét: L-N 1kV
 - Không nhấp nháy
 - Dòng ra chọn bằng công tắc DIP
 - IP20
 - Phù hợp bộ đèn Class II
 - Bảo vệ quá tải, bảo vệ quá nhiệt, bảo vệ ngắn mạch

Ứng dụng Đèn panel, đèn downlight, đèn rọi, đèn trần, v.v.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	EAN	Công suất ra (W, Max)	Đầu ra Dòng điện (mA)	Đầu vào Điện áp (V)	Đầu ra Điện áp (V)	Hiệu suất (Đầy tải)	Kích thước (L*W*H/mm)
TX-009H-C0200-IDAL-T20	TXGA25100107455	9	100/150/180/220	220-240	9-42V	80%	142*30*22
TX-013H-C0400-IDAL-T20	TXGA25100107555	13	250/300/350/400	220-240	9-42V	82%	142*30*22
TX-030H-C0750-IDAL-T20	TXGA25100107655	30	400/450/500/550/600/650/700/750	220-240	9-42V	87%	145*46*28
TX-040H-C1050-IDAL-T20	TXGA25100107755	40	700/750/800/850/900/950/1000/1050	220-240	9-42V	88%	145*46*28
TX-060H-C1500-IDAL-T20	TXGA25100107855	60	1100/1150/1200/1250/1300/1350/1400/1450/1500	220-240	15-54V	90%	174*49*28

Dòng không đổi DALI-2 DT8
Bộ nguồn dimming đổi màu Tunable White



- Ưu điểm
- Đặc tính sản phẩm

 - Bộ nguồn LED độc lập
 - Có các mức 12W 20W 30W 40W
 - Chức năng dimming điều chỉnh nhiệt độ màu
 - Tuổi thọ: >50.000 giờ
- Ưu điểm dòng sản phẩm

 - Dimming DALI DT8, chọn được đường cong dimming
 - Đổi nhiệt độ màu: 2700-6500K
 - Hỗ trợ DALI part 251, 252, 253
 - Không nhấp nháy
 - Dòng ra chọn bằng công tắc DIP
 - IP20
 - Phù hợp bộ đèn Class II
 - Bảo vệ quá tải, bảo vệ quá nhiệt, bảo vệ ngắn mạch

Ứng dụng Đèn panel, đèn downlight, v.v.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	EAN	Công suất ra (W, Max)	Đầu ra Dòng điện (mA)	Đầu vào Điện áp (V)	Đầu ra Điện áp (V)	Hiệu suất (Đầy tải)	Kích thước (L*W*H/mm)
TX-012H-C0350-IDA8-T20-2	TXGA25100109155	12	100/150/200/250/300/350	220-240	9-42V	80%	122*40*85
TX-020H-C0700-IDA8-T20-2	TXGA25100109255	20	350/400/450/500/550/600/650/700	220-240	9-42V	82%	142*47*28
TX-030H-C0750-IDA8-T20-2	TXGA25100109355	30	400/450/500/550/600/650/700/750	220-240	9-42V	85%	142*47*28
TX-040H-C1050-IDA8-T20-2	TXGA25100109455	40	550/600/650/700/750/800/850/900/950/1000/1050	220-240	9-42V	86%	126*80*32
TX-050H-C1200-IDA8-T20-2	TXGA25100107355	50	900/1000/1100/1200	220-240	15-54V	86%	126*80*32

Bộ nguồn điện áp không đổi 24V ON OFF



Ưu điểm

- Đặc tính sản phẩm
- Bộ nguồn LED độc lập
 - Có các mức 36W 60W 120W 200W 250W
 - Tuổi thọ: > 50.000 giờ
 - IP20, THD≤10%

- Ưu điểm dòng sản phẩm
- Không nhấp nháy
 - Chống sét: L-N 1kV
 - Phù hợp bộ đèn Class II
 - Khởi động mềm
 - Bảo vệ toàn diện: bảo vệ quá nhiệt, bảo vệ quá áp và bảo vệ ngắn mạch

Ứng dụng

Chiếu sáng bán lẻ, chiếu sáng dân dụng, chiếu sáng nội thất, v.v.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	EAN	Công suất ra (W, Max)	Đầu ra Dòng điện (mA)	Đầu vào Điện áp (V)	Đầu ra Điện áp (V)	Hiệu suất (Đầy tải)	Kích thước (L*W*H/mm)
TX-036H-V24-IONF-L20	TXGA25100110955	36	0-1.5	220-240	24V	88%	117.6*40*26
TX-060H-V24-IONF-L20	TXGA25100111055	60	0-2.5	220-240	24V	90%	150.6*40*30
TX-120H-V24-IONF-L20	TXGA25100111155	120	0-5	220-240	24V	92%	213.6*40*30
TX-200H-V24-IONF-L20	TXGA25100111255	200	0-8.33	220-240	24V	94%	243.6*40*30
TX-250H-V24-IONF-L20	TXGA25100111355	250	0-10.4	220-240	24V	94%	288.6*40*30

Bộ nguồn điện áp không đổi 24V ON OFF IP67



Ưu điểm

- Đặc tính sản phẩm
- Bộ nguồn LED độc lập
 - Có các mức 75W 100W 150W 200W 250W
 - Hiệu suất cao đến 93%
 - Tuổi thọ: > 50.000 giờ
 - IP67, THD≤15%

- Ưu điểm dòng sản phẩm
- Không nhấp nháy
 - Chống sét: L-N 6kV: LN-PE 8KV
 - Điện áp ra điều chỉnh được bằng chiết áp
 - Khởi động mềm
 - Bảo vệ toàn diện: bảo vệ quá nhiệt, bảo vệ quá áp và bảo vệ ngắn mạch

Ứng dụng

Chiếu sáng ngoài trời, chiếu sáng cảnh quan, v.v.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	EAN	Công suất ra (W, Max)	Đầu ra Dòng điện (mA)	Đầu vào Điện áp (V)	Đầu ra Điện áp (V)	Hiệu suất (Đầy tải)	Kích thước (L*W*H/mm)
TX-075H-V24-IONF-T67	TXGA25100111455	75	0.24-3.12	100-277	24V	87.0%	170*61*34
TX-100H-V24-IONF-T67	TXGA25100111555	100	0.24-4.16	100-277	24V	90.5%	170*61*34
TX-150H-V24-IONF-T67	TXGA25100111655	150	0.4-6.25	100-277	24V	93.0%	170*61*34
TX-200H-V24-IONF-T67	TXGA25100111755	200	0.4-8.33	100-277	24V	93.0%	228*63*34
TX-250H-V24-IONF-T67	TXGA25100111855	250	0.4-10.41	100-277	24V	93.0%	228*63*34

Điện áp không đổi 24V 0-10V
Bộ nguồn dimming



- Ưu điểm
- Đặc tính sản phẩm
- Hỗ trợ dimming ba trong một 0-10V/PWM/Rx
 - Bộ nguồn LED độc lập
 - Có các mức 75W 150W
 - Tuổi thọ: > 50.000 giờ
 - IP20, THD≤15%
- Ưu điểm dòng sản phẩm
- Không nhấp nháy
 - Độ sâu dimming <0.5%
 - Tích hợp chức năng PFC chủ động
 - Chống sét: L-N 2kV
 - Phù hợp bộ đèn Class II
 - Bảo vệ toàn diện: bảo vệ quá nhiệt,
 - Bảo vệ quá áp, bảo vệ quá tải và ngắn mạch

Ứng dụng

Dải LED, chữ nổi phát sáng, hộp đèn, v.v.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	EAN	Công suất ra (W, Max)	Đầu ra Dòng điện (mA)	Đầu vào Điện áp (V)	Đầu ra Điện áp (V)	Hiệu suất (Đầy tải)	Kích thước (L*W*H/mm)
TX-075H-V24-IDIM-L20	TXGA25100111955	75	0-3.125	220-240	24V	88.0%	300*42*30
TX-150H-V24-IDIM-L20	TXGA25100112055	150	0-6.25	220-240	24V	92.5%	361*42*30

Điện áp không đổi 24V DALI DT6 & DT8
Bộ nguồn dimming đổi màu Tunable White



- Ưu điểm
- Đặc tính sản phẩm
- Hỗ trợ DALI-2 DT6/DT8 (chuyển bằng công tắc DIP), push dimming
 - Bộ nguồn LED độc lập
 - Có các mức 75W 100W 150W 240W
 - Tuổi thọ: > 50.000 giờ
 - IP20
- Ưu điểm dòng sản phẩm
- Không nhấp nháy
 - Độ sâu dimming <0.5%
 - Công suất chờ <0.3W, đáp ứng tiêu chuẩn ERP mới nhất
 - Chống sét: L-N 2kV
 - Phù hợp bộ đèn Class II
 - Bảo vệ toàn diện: bảo vệ quá nhiệt, bảo vệ quá áp, bảo vệ quá tải và ngắn mạch

Ứng dụng

Chiếu sáng thương mại và gia dụng, chiếu sáng văn phòng và trang trí.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	EAN	Công suất ra (W, Max)	Đầu ra Dòng điện (mA)	Đầu vào Điện áp (V)	Đầu ra Điện áp (V)	Hiệu suất (Đầy tải)	Kích thước (L*W*H/mm)
TX-075H-V24-ID68-L20	TXGA25100111955	75	0-3.13	220-240	24V	91.0%	250*43*30
TX-100H-V24-ID68-L20	TXGA25100112055	100	0-4.17	220-240	24V	93.0%	280*43*30
TX-150H-V24-ID68-L20	TXGA25100112155	150	0-6.25	220-240	24V	93.0%	310*43*30
TX-240H-V24-ID68-L20	TXGA25100112255	240	0-10	220-240	24V	94.0%	370*49*30

Điện áp không đổi 24V DALI DT8 & DMX512
Bộ nguồn RGBW



Ưu điểm

- Đặc tính sản phẩm
- Hỗ trợ DALI-2 DT8 & push dimming với bốn kênh
 - Dimming DMX512 & RDM
 - Bộ nguồn LED độc lập
 - Có mức 150W
 - Tuổi thọ: > 50.000 giờ
 - IP20
- Ưu điểm dòng sản phẩm
- Không nhấp nháy
 - Độ sâu dimming <0.1%
 - Tích hợp chức năng PFC chủ động
 - Chống sét: L-N 2kV
 - Công suất chờ <0.3W, đáp ứng tiêu chuẩn ERP mới nhất
 - Phù hợp bộ đèn Class II
 - Bảo vệ toàn diện: bảo vệ quá nhiệt, bảo vệ quá áp, bảo vệ quá tải và ngắn mạch

Ứng dụng Dùng cho dải LED trong nhà, hộp đèn quảng cáo và chiếu sáng trang trí.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	EAN	Công suất ra (W, Max)	Đầu ra Dòng điện (mA)	Đầu vào Điện áp (V)	Đầu ra Điện áp (V)	Hiệu suất (Đầy tải)	Kích thước (L*W*H/mm)
TX-150H-V24-IDA8-L20-4	TXGA25100112355	150	0-6.25	220-240	24V	91.0%	361*42*30

Điện áp không đổi 24V ON OFF khởi động mềm
Bộ nguồn



Ưu điểm

- Đặc tính sản phẩm
- Bộ nguồn LED độc lập
 - Có các mức 45W 75W 100W 150W 200W 240W 300W 350W
 - Hiệu suất cao đến 93%
 - Tuổi thọ: > 50.000 giờ
 - IP20, PF>0.45
- Ưu điểm dòng sản phẩm
- Không nhấp nháy
 - Chống sét: L-N 2kV; LN-PE 4KV
 - Chọn chức năng khởi động mềm bằng công tắc DIP
 - Bảo vệ toàn diện: bảo vệ quá nhiệt, bảo vệ quá áp và bảo vệ ngắn mạch

Ứng dụng Đèn văn phòng, chiếu sáng thương mại, chiếu sáng trang trí, v.v.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	EAN	Công suất ra (W, Max)	Đầu ra Dòng điện (mA)	Đầu vào Điện áp (V)	Đầu ra Điện áp (V)	Hiệu suất (Đầy tải)	Kích thước (L*W*H/mm)
TX-045H-V24-IONF-T20-SS	TXGA26100123555	45	0-1.87	220-240	0-1.87	91.0%	137*40.4*30.6
TX-075H-V24-IONF-T20-SS	TXGA26100123655	75	0-3.1	220-240	0-3.1	93.0%	137*40.4*30.6
TX-100H-V24-IONF-T20-SS	TXGA26100123755	100	0-4.2	220-240	0-4.2	93.0%	150*40.4*30.6
TX-150H-V24-IONF-T20-SS	TXGA26100123855	150	0-6.25	220-240	0-6.25	93.0%	160*40.4*30.6
TX-200H-V24-IONF-T20-SS	TXGA26100123955	200	0-8.3	220-240	0-8.3	93.0%	160*59.2*35.5
TX-240H-V24-IONF-T20-SS	TXGA26100124055	240	0-10	220-240	0-10	93.0%	160*59.2*35.5
TX-300H-V24-IONF-T20-SS	TXGA26100124155	300	0-12.5	220-240	0-12.5	93.0%	210*59.2*35.5
TX-350H-V24-IONF-T20-SS	TXGA26100124255	350	0-14.6	220-240	0-14.6	93.0%	210*59.2*35.5

Bộ nguồn điện áp không đổi 48V ON OFF



Ưu điểm

- Đặc tính sản phẩm
- Bộ nguồn LED độc lập
 - Có các mức 36W 60W 120W 200W 250W
 - Tuổi thọ: > 50.000 giờ
 - IP20, THD≤10%
- Ưu điểm dòng sản phẩm
- Không nhấp nháy
 - Chống sét: L-N 1kV
 - Phù hợp bộ đèn Class II
 - Khởi động mềm
 - Bảo vệ toàn diện: bảo vệ quá nhiệt, bảo vệ quá áp và bảo vệ ngắn mạch

Ứng dụng

Chiếu sáng bán lẻ, chiếu sáng dân dụng, chiếu sáng nội thất, v.v.

Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	EAN	Công suất ra (W, Max)	Đầu ra Dòng điện (mA)	Đầu vào Điện áp (V)	Đầu ra Điện áp (V)	Hiệu suất (Đầy tải)	Kích thước (L*W*H/mm)
TX-036H-V48-IONF-L20	TXGA25100115355	36	0-0.75	220-240	48V	88%	117.6*40*26
TX-060H-V48-IONF-L20	TXGA25100115455	60	0-1.25	220-240	48V	90%	150.6*40*30
TX-120H-V48-IONF-L20	TXGA25100115555	120	0-2.5	220-240	48V	91%	213.6*40*30
TX-200H-V48-IONF-L20	TXGA25100115655	200	0-4.16	220-240	48V	93%	243.6*40*30
TX-250H-V48-IONF-L20	TXGA25100115755	250	0-5.2	220-240	48V	93%	288.6*40*30



14

Module

Module

Công ty | Giới thiệu
You Light. Our Passion.



TX LE D35 600

Module LED cho đèn rọi, đèn downlight



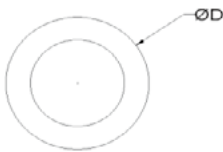
Ưu điểm

- Đặc tính sản phẩm
- Ra≥90
 - Góc chiếu: 24°, 40°
 - Độ đồng nhất màu: ≤3 SDCM
 - CCT: 2700K, 3000K, 4000K
 - Vỏ nhôm
 - Tuổi thọ dài đến 50.000 giờ - L70@25°C
 - Quang thông cao đến 820lm

Ứng dụng

Phù hợp ứng dụng trong nhà, tương thích bóng MR11 thông thường, bán lẻ, cửa hàng, nhà hàng, khách sạn

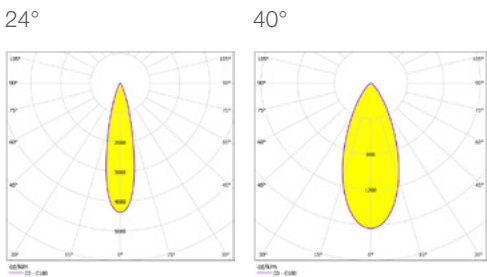
Kích thước (Đơn vị: mm)



ØD	Ø35
H	45



Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 2700K / 3000K / 4000K

Mã đặt hàng

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
TX LE D35 600 927 24D	6.8W	24°	Ø35×43	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D35 600 930 24D	6.8W	24°	Ø35×43	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D35 600 940 24D	6.8W	24°	Ø35×43	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D35 600 927 40D	6.8W	40°	Ø35×43	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D35 600 930 40D	6.8W	40°	Ø35×43	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D35 600 940 40D	6.8W	40°	Ø35×43	≥90	Aluminum	IP20

TX LE D50 1000 TW

Module LED cho đèn rọi, đèn downlight



Ưu điểm

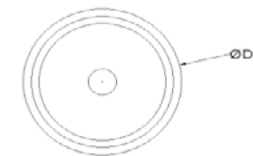
Đặc tính sản phẩm

- Ra≥90
- Góc chiếu: 24°, 36°
- Độ đồng nhất màu: ≤3 SDCM
- CCT: 2700K~6000K tunable white
- Vỏ nhôm
- Tuổi thọ dài đến 50.000 giờ - L70@25°C
- Quang thông cao đến 1080lm

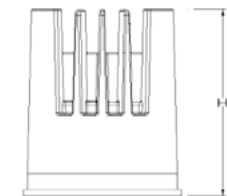
Ứng dụng

Phù hợp ứng dụng trong nhà, tương thích bóng MR16 thông thường, bán lẻ, cửa hàng, nhà hàng, khách sạn

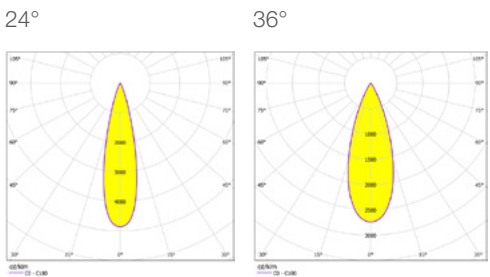
Kích thước (Đơn vị: mm)



ØD	Ø50
H	64



Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 2700K~6000K

Mã đặt hàng

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
TX LE D50 1000 TW 24D	10.2W	24°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP66/IK10
TX LE D50 1000 TW 36D	10.2W	36°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP66/IK10

TX LE D50 1400

Module LED cho đèn rọi, đèn downlight



Ưu điểm

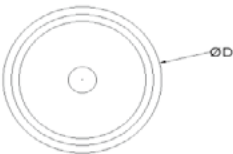
Đặc tính sản phẩm

- Ra≥90
- Góc chiếu: 16°, 24°, 36°
- Độ đồng nhất màu: ≤3 SDCM
- CCT: 2700K, 3000K, 4000K, 6500K
- Vỏ nhôm
- Tuổi thọ dài đến 50.000 giờ - L70@25°C
- Quang thông cao đến 1450lm

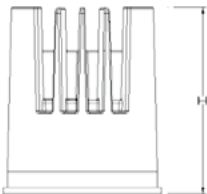
Ứng dụng

Phù hợp ứng dụng trong nhà, tương thích bóng MR16 thông thường, bán lẻ, cửa hàng, nhà hàng, khách sạn

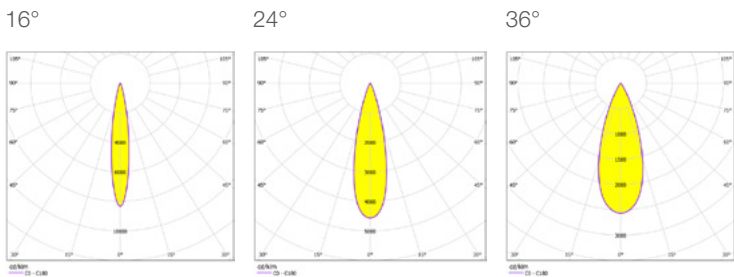
Kích thước (Đơn vị: mm)



ØD	Ø50
H	64



Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 2700K / 3000K / 4000K / 6500K

Mã đặt hàng

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
TX LE D50 1400 927 16D	10.2W	16°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D50 1400 930 16D	10.2W	16°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D50 1400 940 16D	10.2W	16°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D50 1400 965 16D	10.2W	16°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D50 1400 927 24D	10.2W	24°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D50 1400 930 24D	10.2W	24°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D50 1400 940 24D	10.2W	24°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D50 1400 965 24D	10.2W	24°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D50 1400 927 36D	10.2W	36°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D50 1400 930 36D	10.2W	36°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D50 1400 940 36D	10.2W	36°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D50 1400 965 36D	10.2W	36°	Ø50×64	≥90	Aluminum	IP20

TX LE D111 2800

Module LED cho đèn rọi, đèn downlight



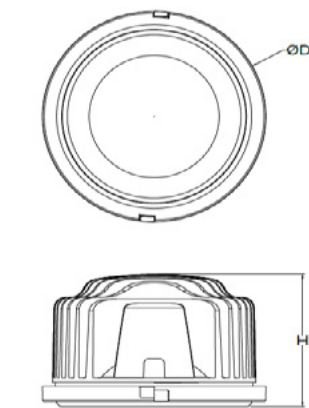
Ưu điểm

- Đặc tính sản phẩm
- Ra≥90
 - Góc chiếu: 16°, 24°, 36°, 50°
 - Độ đồng nhất màu: ≤3 SDCM
 - CCT: 2700K, 3000K, 4000K, 6500K
 - Vỏ nhôm
 - Tuổi thọ dài đến 50.000 giờ - L70@25°C
 - Quang thông cao đến 4000lm

Ứng dụng

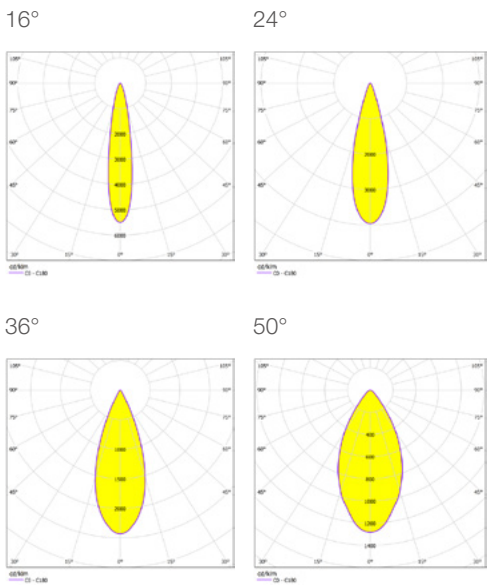
Phù hợp ứng dụng trong nhà, tương thích bóng AR111 thông thường, bán lẻ, cửa hàng, nhà hàng, khách sạn

Kích thước (Đơn vị: mm)



ØD	Ø110
H	69

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 2700K / 3000K / 4000K / 6500K

Mã đặt hàng

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
TX LE D111 2800 927 16D	25W	16°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 930 16D	25W	16°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 940 16D	25W	16°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 965 16D	25W	16°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 927 24D	25W	24°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 930 24D	25W	24°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 940 24D	25W	24°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 965 24D	25W	24°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 927 36D	25W	36°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 930 36D	25W	36°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 940 36D	25W	36°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 965 36D	25W	36°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 927 50D	25W	50°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 930 50D	25W	50°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 940 50D	25W	50°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 2800 965 50D	25W	50°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20

TX LE D111 3300 TW

Module LED cho đèn rọi, đèn downlight



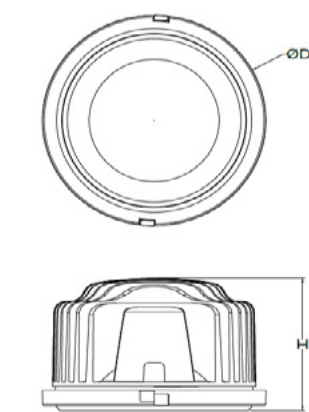
Ưu điểm

- Đặc tính sản phẩm
- Ra≥90
 - Góc chiếu: 16°, 24°, 36°, 50°
 - Độ đồng nhất màu: ≤3 SDCM
 - CCT: 2700K~6000K tunable white
 - Vỏ nhôm
 - Tuổi thọ dài đến 50.000 giờ - L70@25°C
 - Quang thông cao đến 3550lm

Ứng dụng

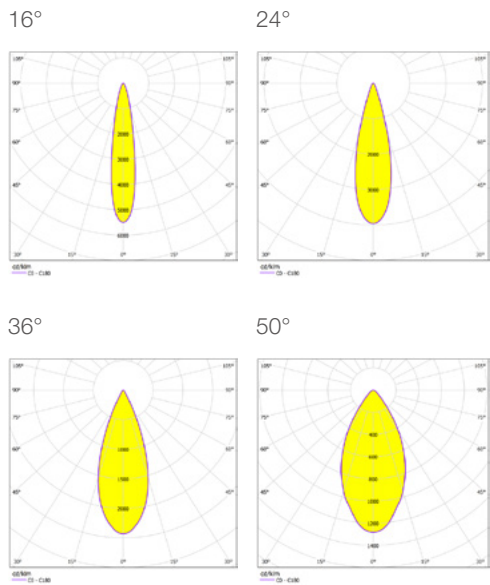
Phù hợp ứng dụng trong nhà, tương thích bóng AR111 thông thường, bán lẻ, cửa hàng, nhà hàng, khách sạn

Kích thước (Đơn vị: mm)



ØD	Ø110
H	69

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 2700K / 3000K / 4000K / 6500K

Mã đặt hàng

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
TX LE D111 3300 TW 16D	36W	16°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 3300 TW 24D	36W	24°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 3300 TW 36D	36W	36°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 3300 TW 50D	36W	50°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20

TX LE D111 4300

Module LED cho đèn rọi, đèn downlight



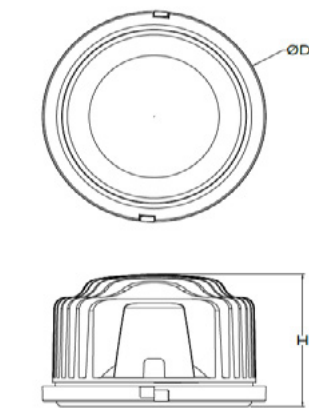
Ưu điểm

- Đặc tính sản phẩm
- Ra≥90
 - Góc chiếu: 16°, 24°, 36°, 50°
 - Độ đồng nhất màu: ≤3 SDCM
 - CCT: 2700K, 3000K, 4000K, 6500K
 - Vỏ nhôm
 - Tuổi thọ dài đến 50.000 giờ - L70@25°C
 - Quang thông cao đến 5300lm

Ứng dụng

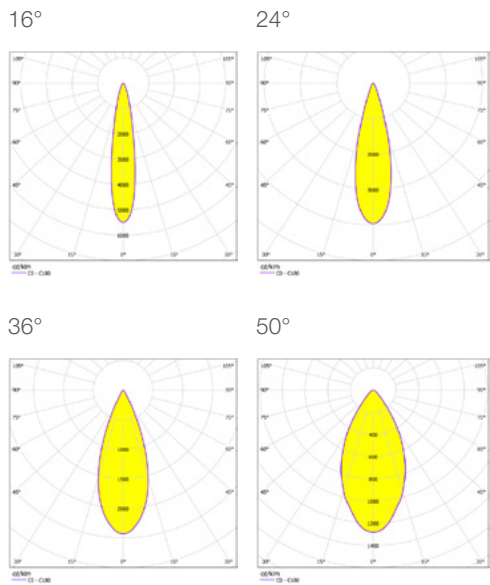
Phù hợp ứng dụng trong nhà, tương thích bóng AR111 thông thường, bán lẻ, cửa hàng, nhà hàng, khách sạn

Kích thước (Đơn vị: mm)



ØD	Ø110
H	69

Biểu đồ phân bố ánh sáng



Nhiệt độ màu: 2700K / 3000K / 4000K / 6500K

Mã đặt hàng

Mã sản phẩm	Công suất	Góc chiếu	Kích thước	CRI	Vật liệu vỏ	Cấp bảo vệ
TX LE D111 4300 927 16D	36W	16°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 930 16D	36W	16°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 940 16D	36W	16°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 965 16D	36W	16°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 927 24D	36W	24°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 930 24D	36W	24°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 940 24D	36W	24°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 965 24D	36W	24°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 927 36D	36W	36°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 930 36D	36W	36°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 940 36D	36W	36°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 965 36D	36W	36°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 927 50D	36W	50°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 930 50D	36W	50°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 940 50D	36W	50°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20
TX LE D111 4300 965 50D	36W	50°	Ø110×69	≥90	Aluminum	IP20